

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết
thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số 554/TTr-SLĐTBXH ngày 26/04/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quy trình ban hành kèm theo Quyết định này thiết lập, tin học hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin một cửa điện tử tỉnh Lai Châu tại địa chỉ <https://dichvucong.laichau.gov.vn>.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: V2, V4, CB;
- VNPT Lai Châu: (để p/h);
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



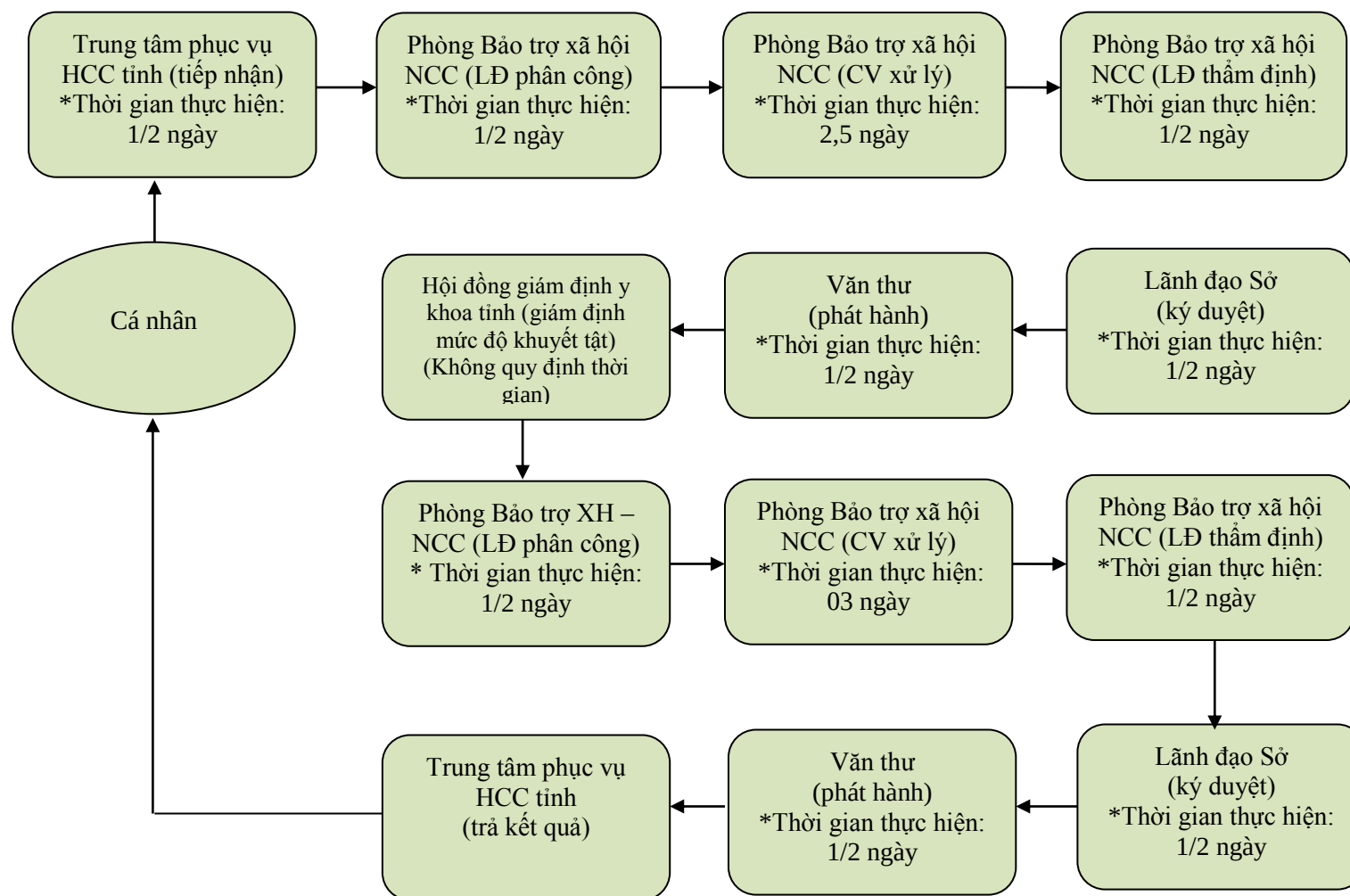
Tổng Thanh Hải

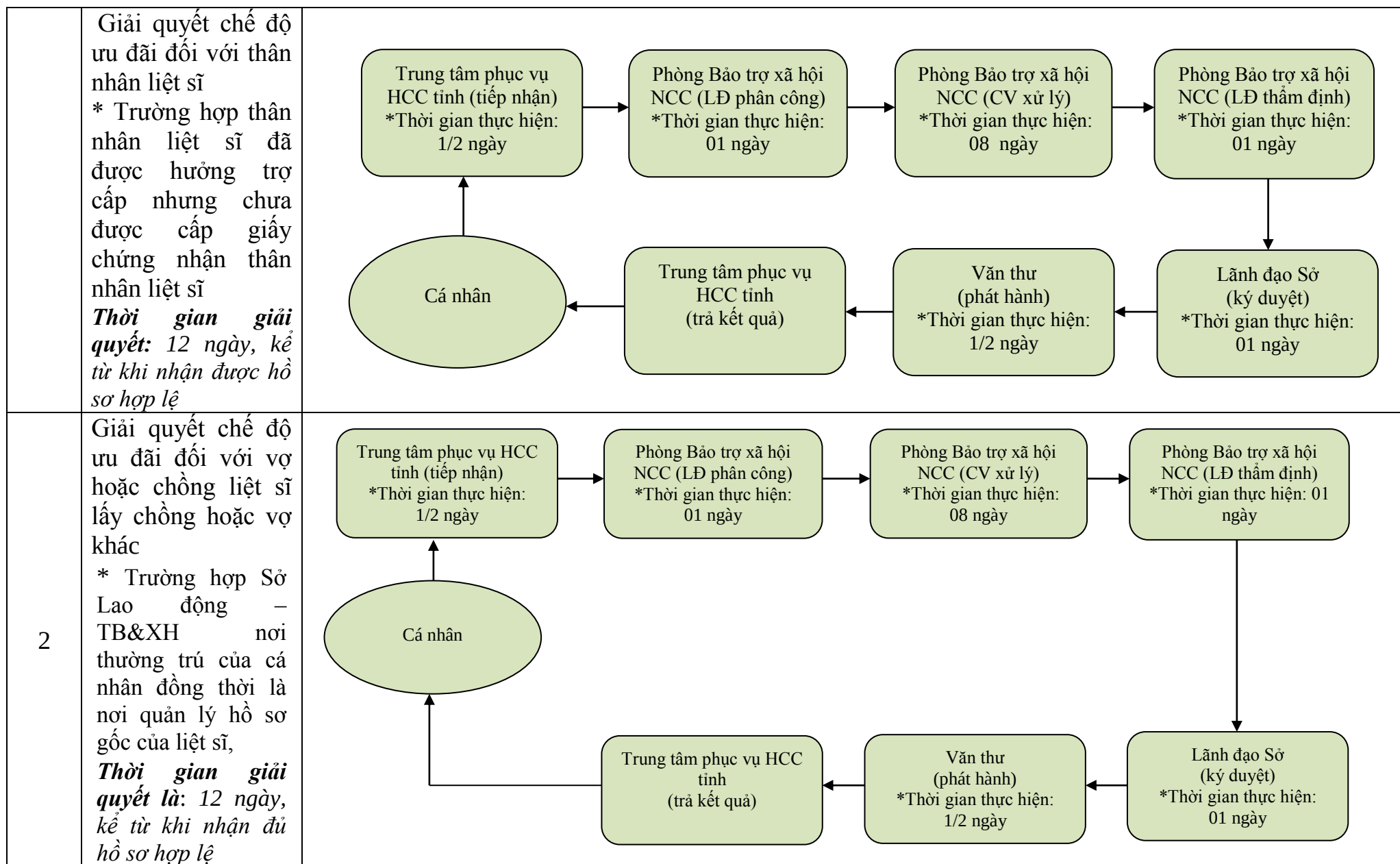
Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên TTHC	Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
I	QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP TỈNH	
1	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ Thời gian giải quyết: 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	<pre> graph TD A([Cá nhân]) --> B[Trung tâm phục vụ HCC tỉnh (tiếp nhận) *Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] B --> C[Phòng Bảo trợ xã hội NCC (LĐ phân công) *Thời gian thực hiện: 01 ngày] C --> D[Phòng Bảo trợ xã hội NCC (CV xử lý) *Thời gian thực hiện: 15 ngày] D --> E[Phòng Bảo trợ xã hội NCC (LĐ thẩm định) *Thời gian thực hiện: 02 ngày] E --> F[Lãnh đạo Sở (ký duyệt) *Thời gian thực hiện: 01 ngày] F --> G[Văn thư (phát hành) *Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] G --> H[Trung tâm phục vụ HCC tỉnh (trả kết quả)] H --> A </pre>

Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ

* Trường hợp quy định tại khoản d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

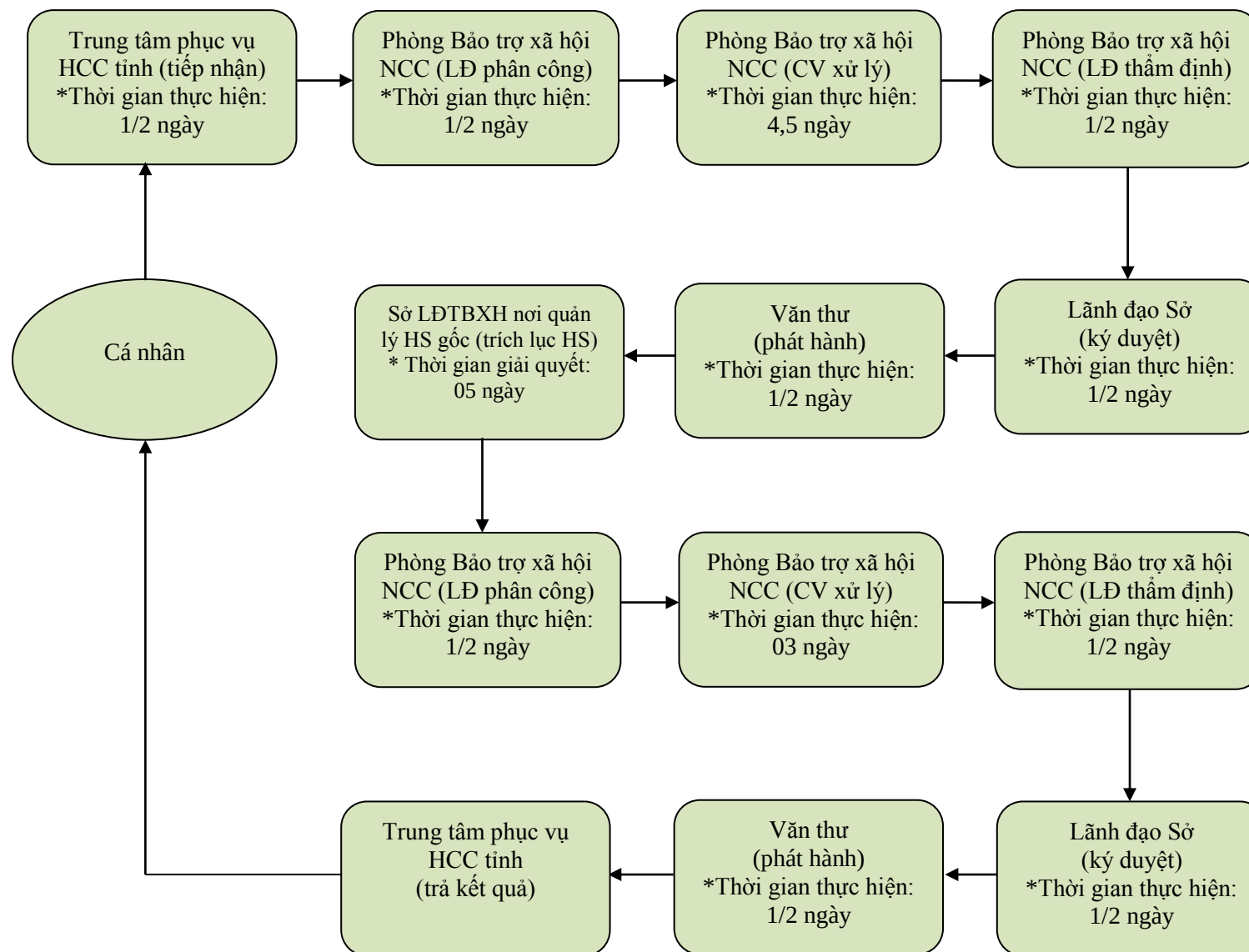


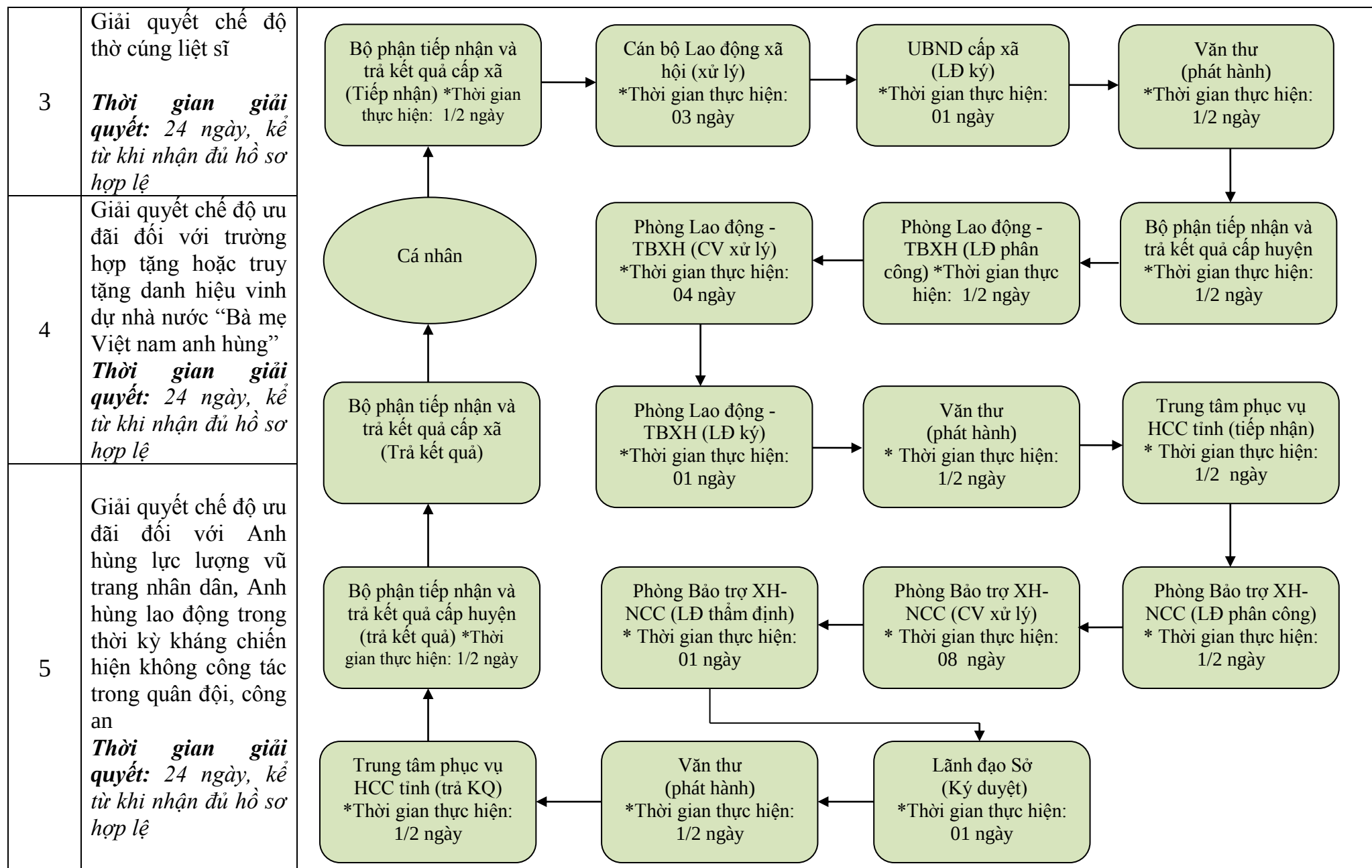


Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác

* Trường hợp Sở Lao động – TB&XH nơi thường trú của cá nhân không phải là nơi quản lý hồ sơ gốc của liệt sĩ,

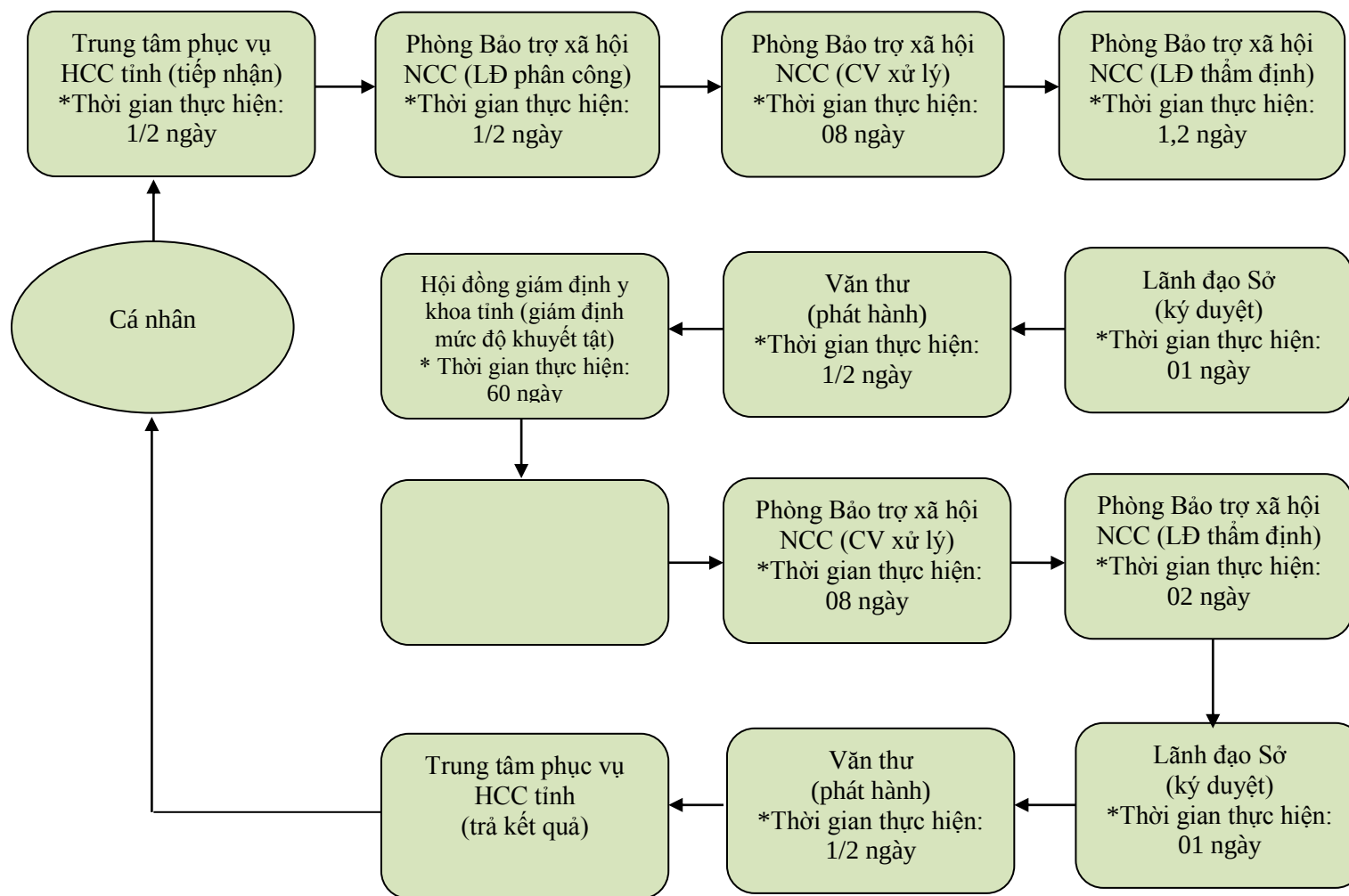
Thời gian giải quyết là: 17 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ





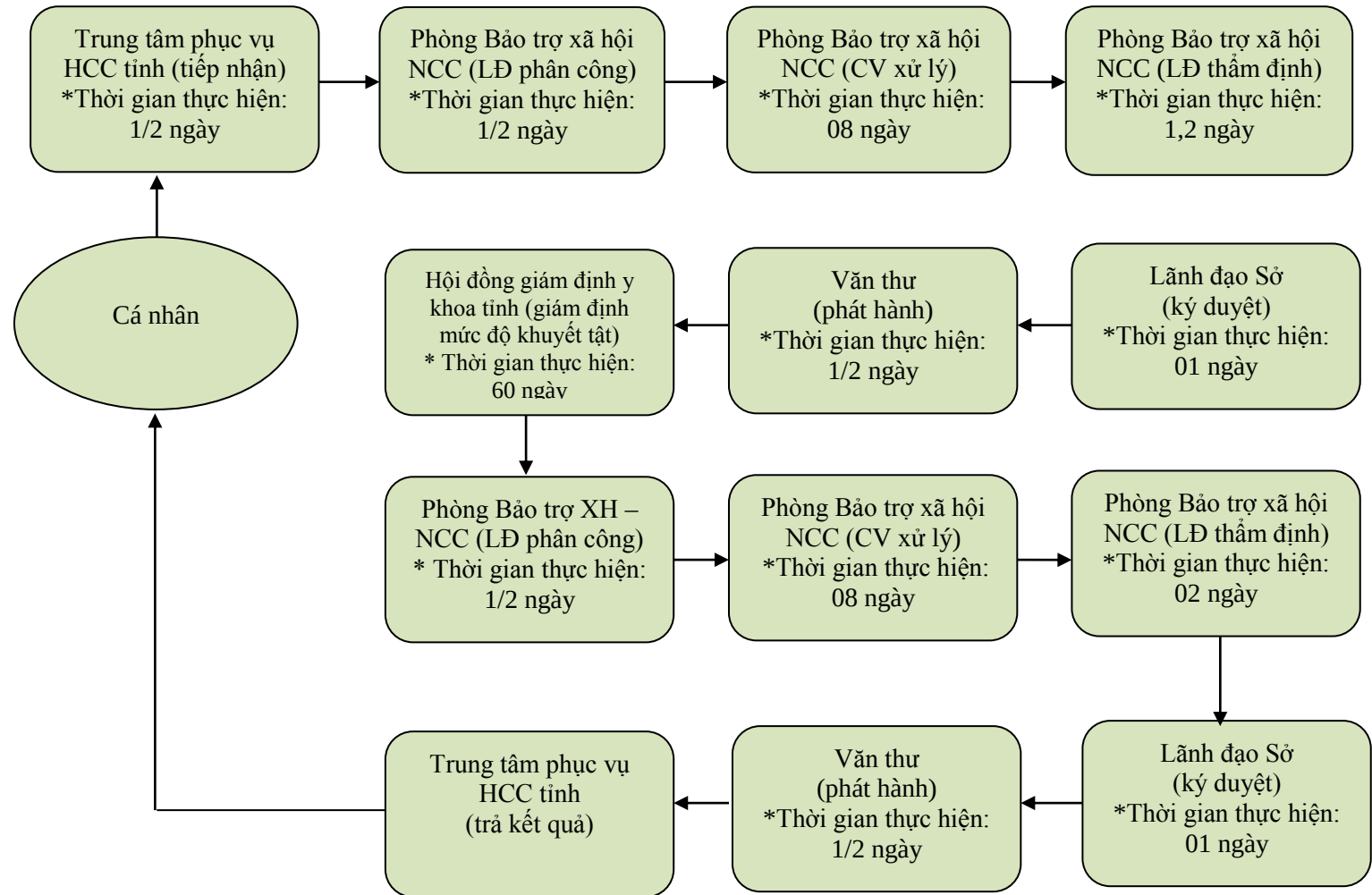
6

Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
Thời gian giải quyết: 84 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tái ngũ, công tác trong quân đội, công an

Thời gian giải quyết: 84 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

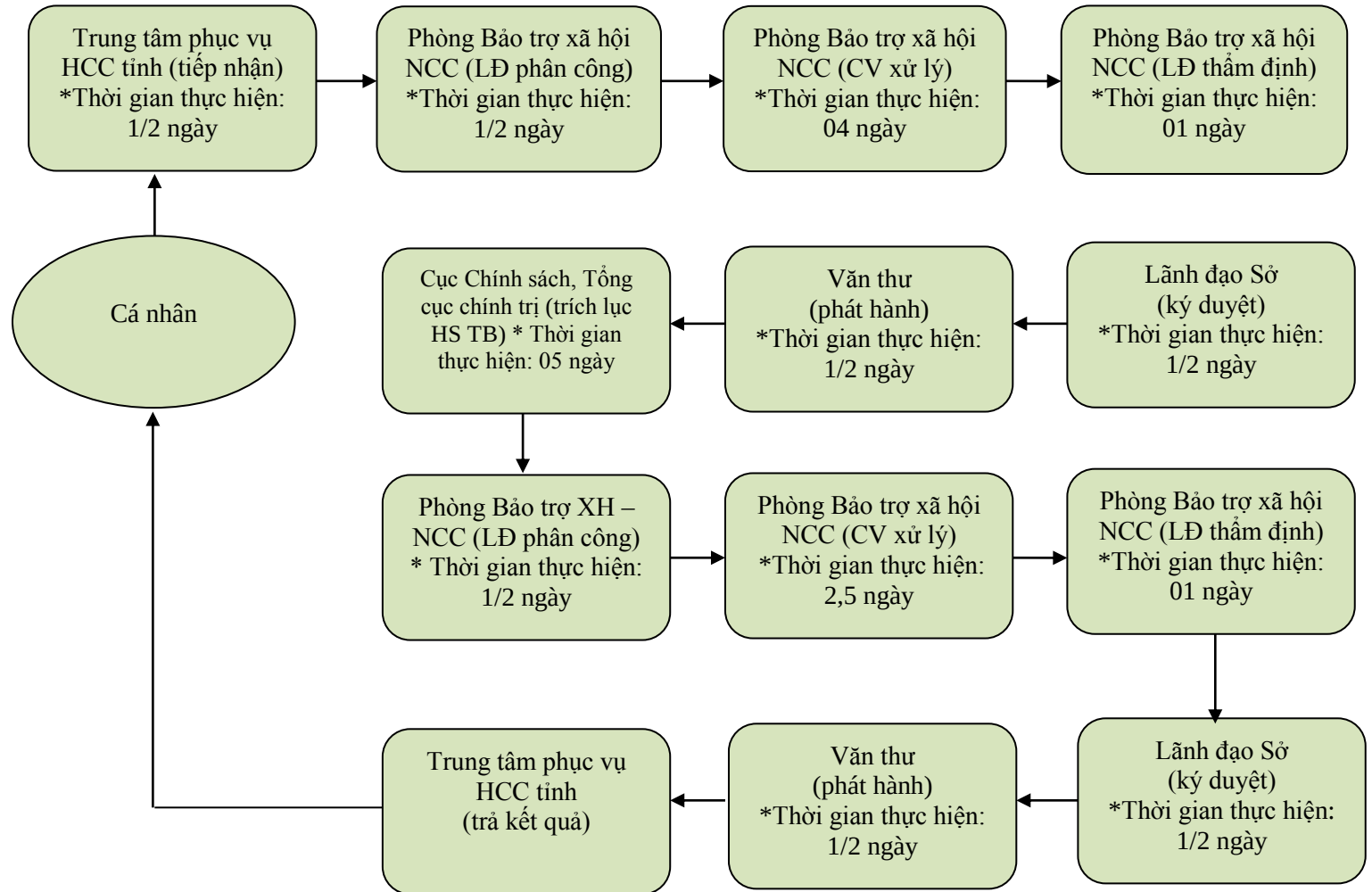


8

Giải quyết hưởng
thêm một chế độ trợ
cấp đối với thương
binh đồng thời là
bệnh binh

* Trường hợp giấy tờ không thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc

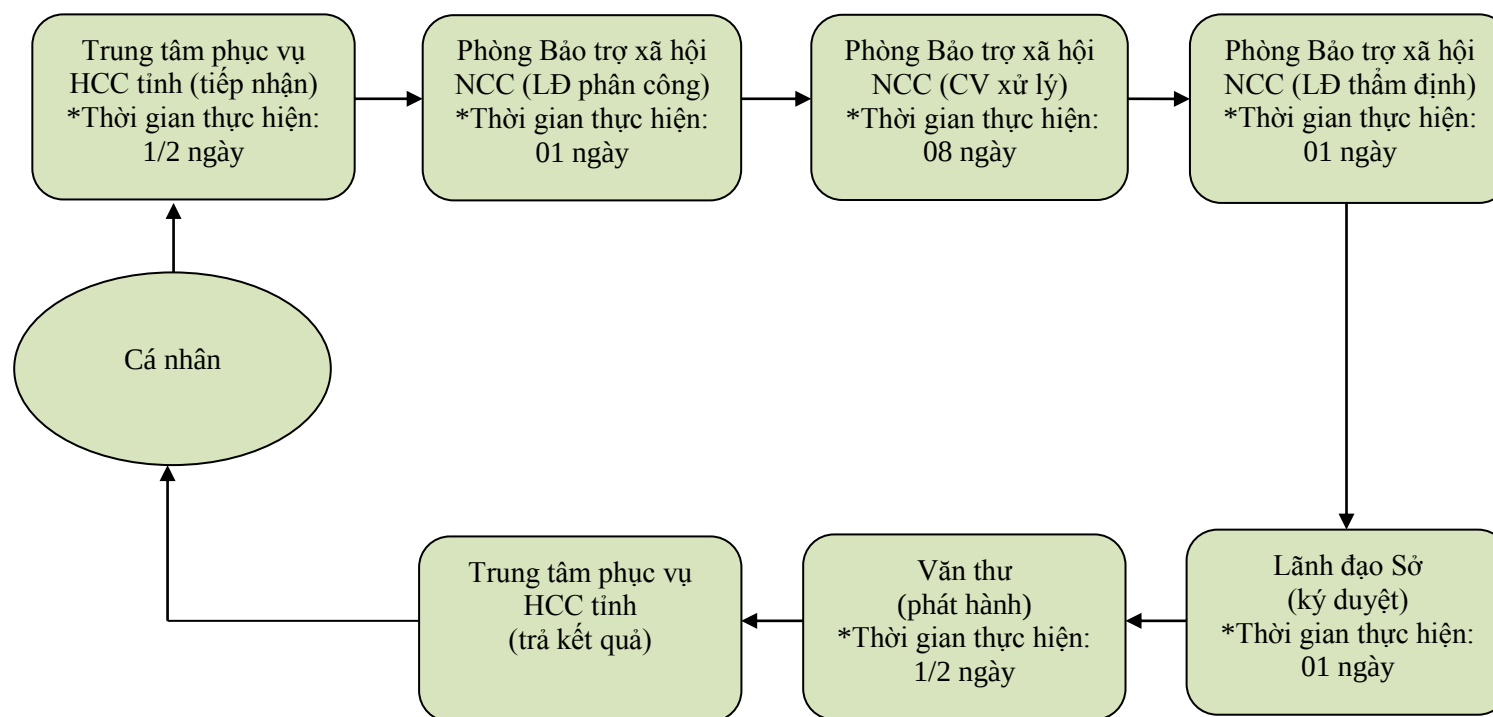
Thời gian giải quyết: 17 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh

* Trường hợp giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật

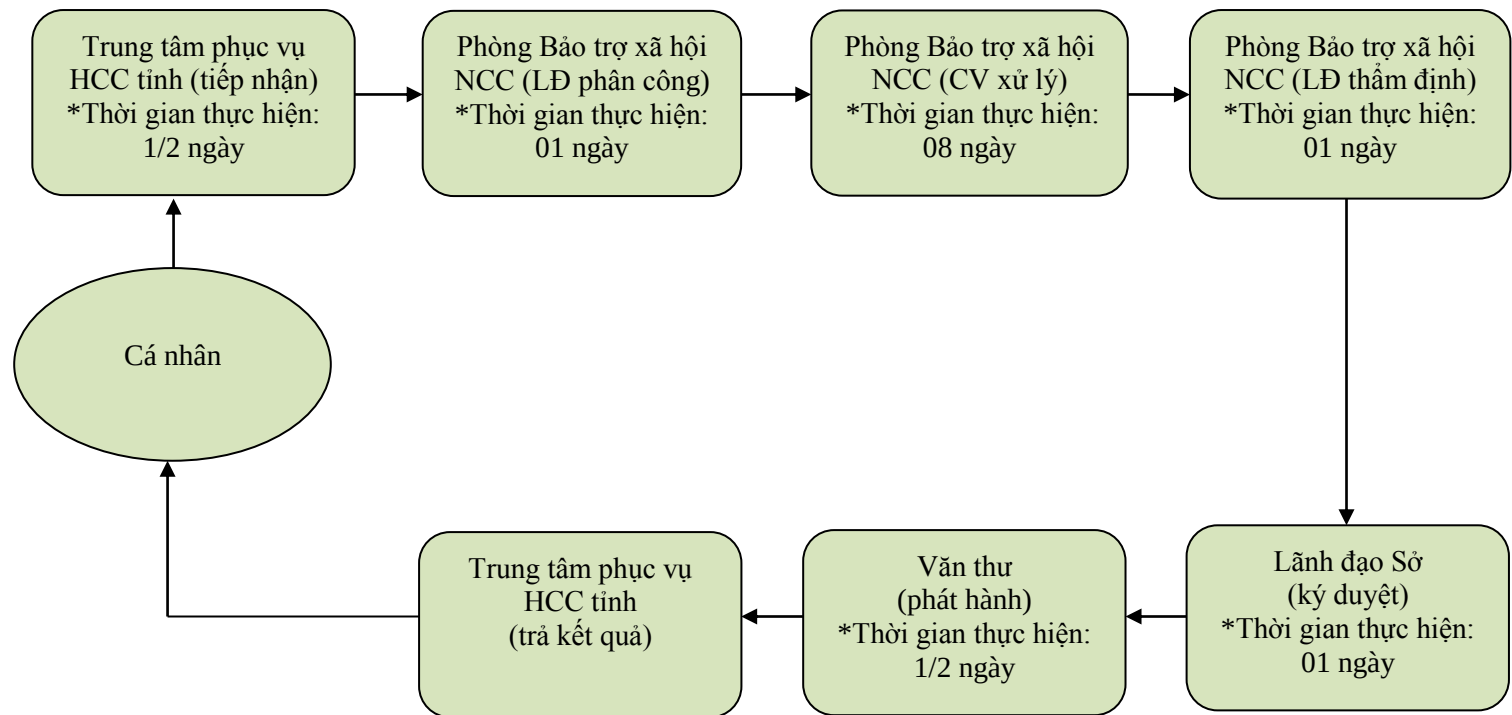
Thời gian giải quyết: 12 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



9

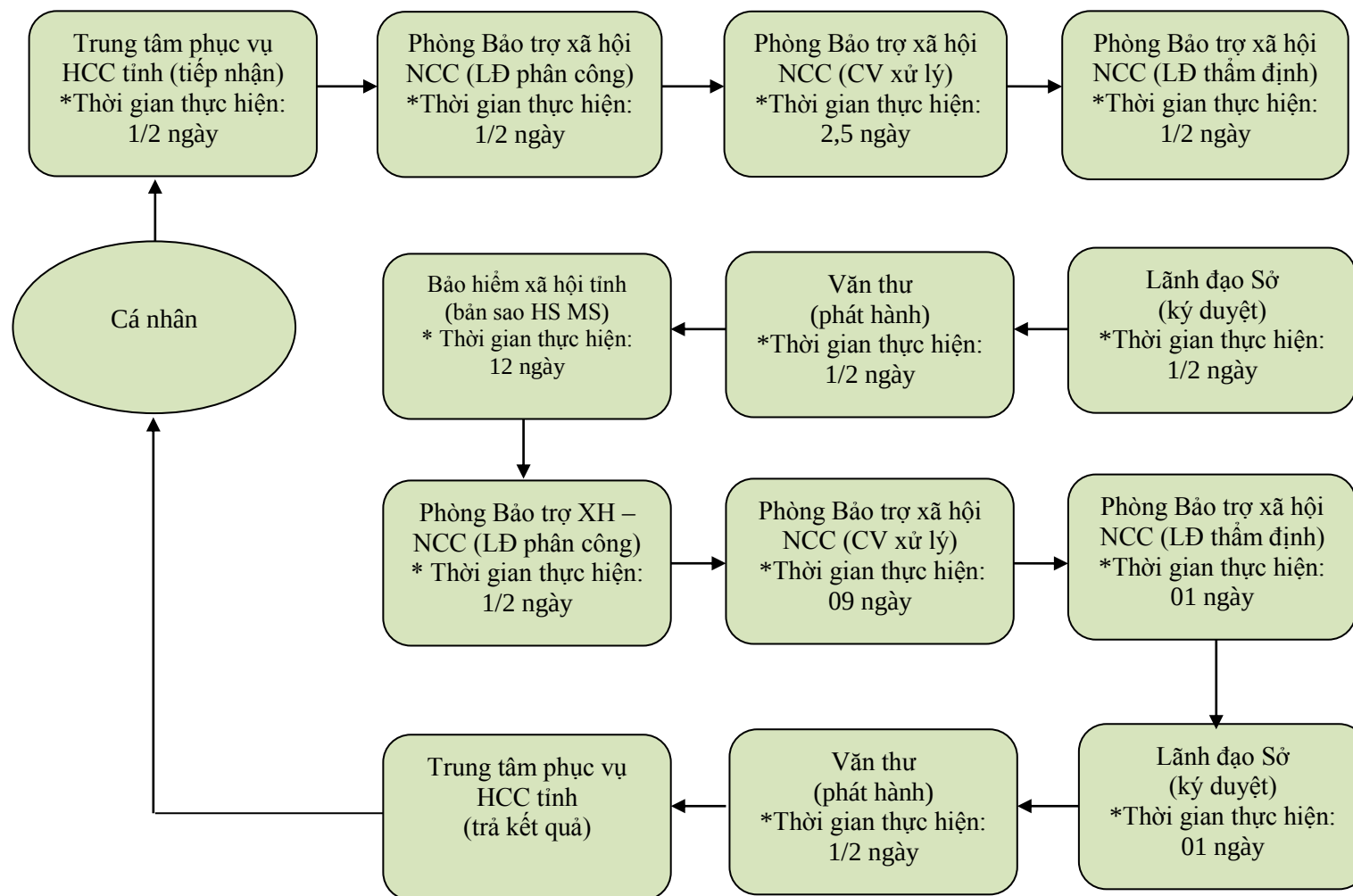
Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động
* Trường hợp giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật

Thời gian giải quyết: 12 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động
 * Trường hợp giấy tờ không thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật

Thời gian giải quyết: 29 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

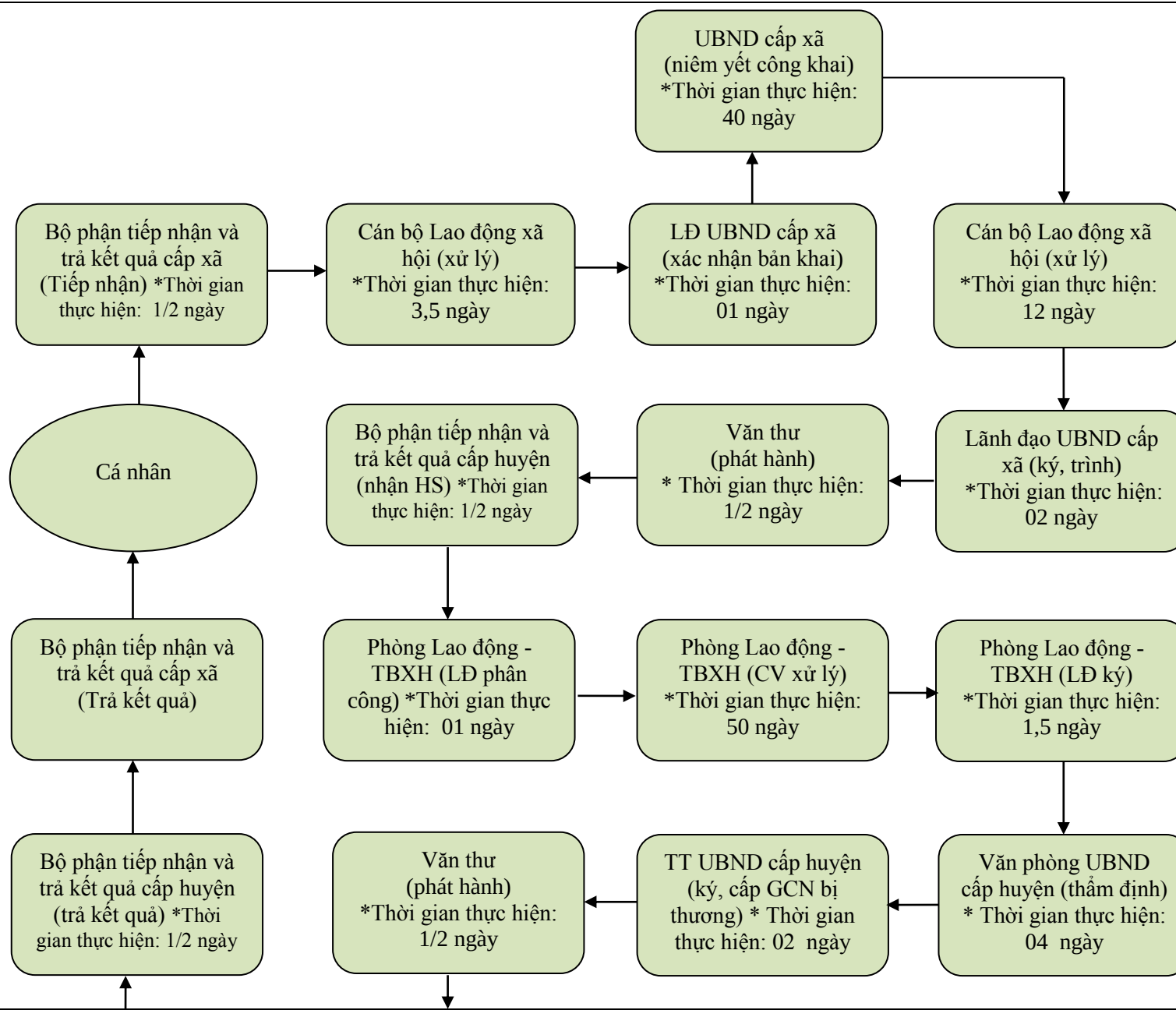


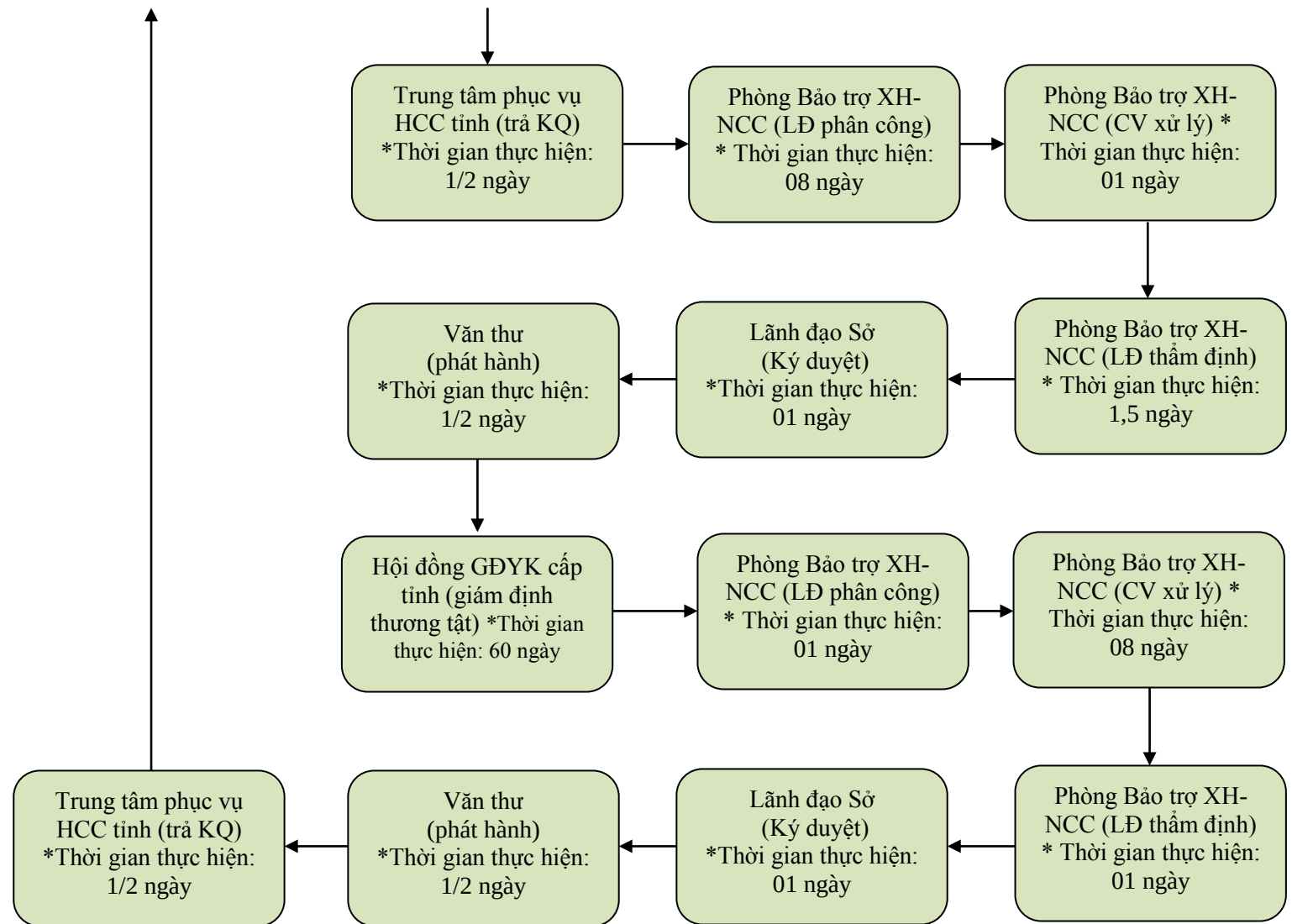
10

Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an

* Trường hợp người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương

Thời gian giải quyết: 204 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ

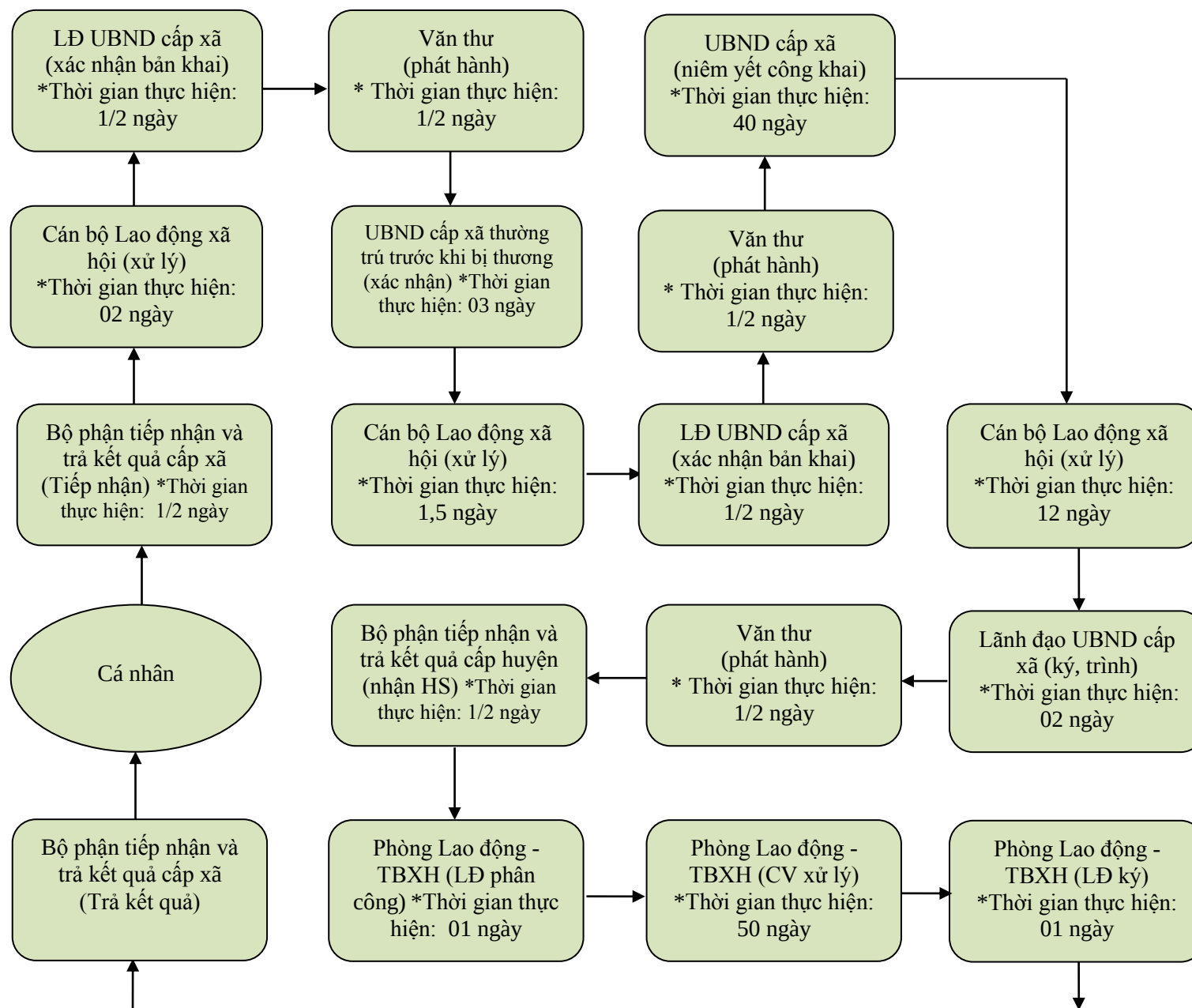


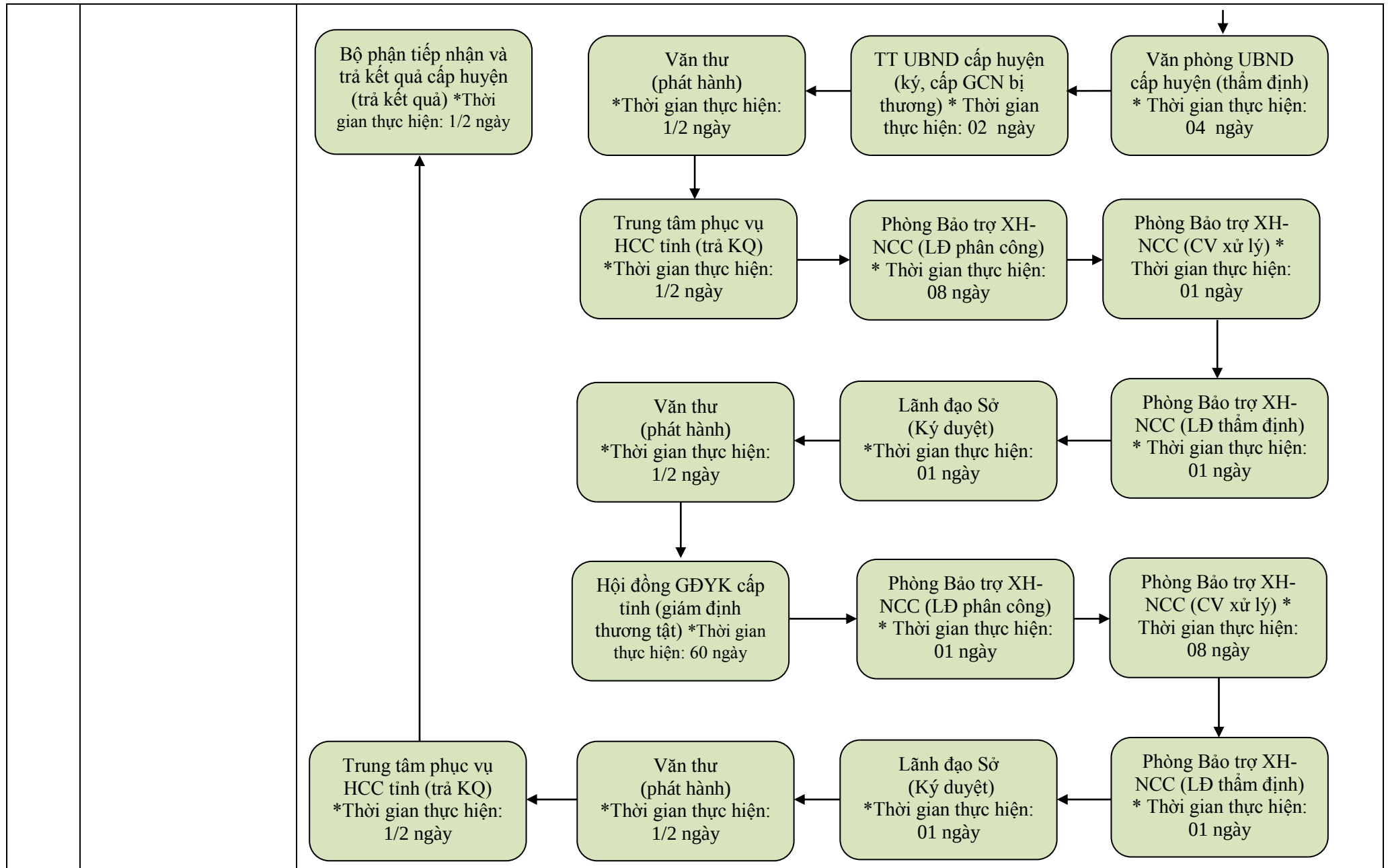


Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an

* Trường hợp người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương.

Thời gian giải quyết: 207 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ

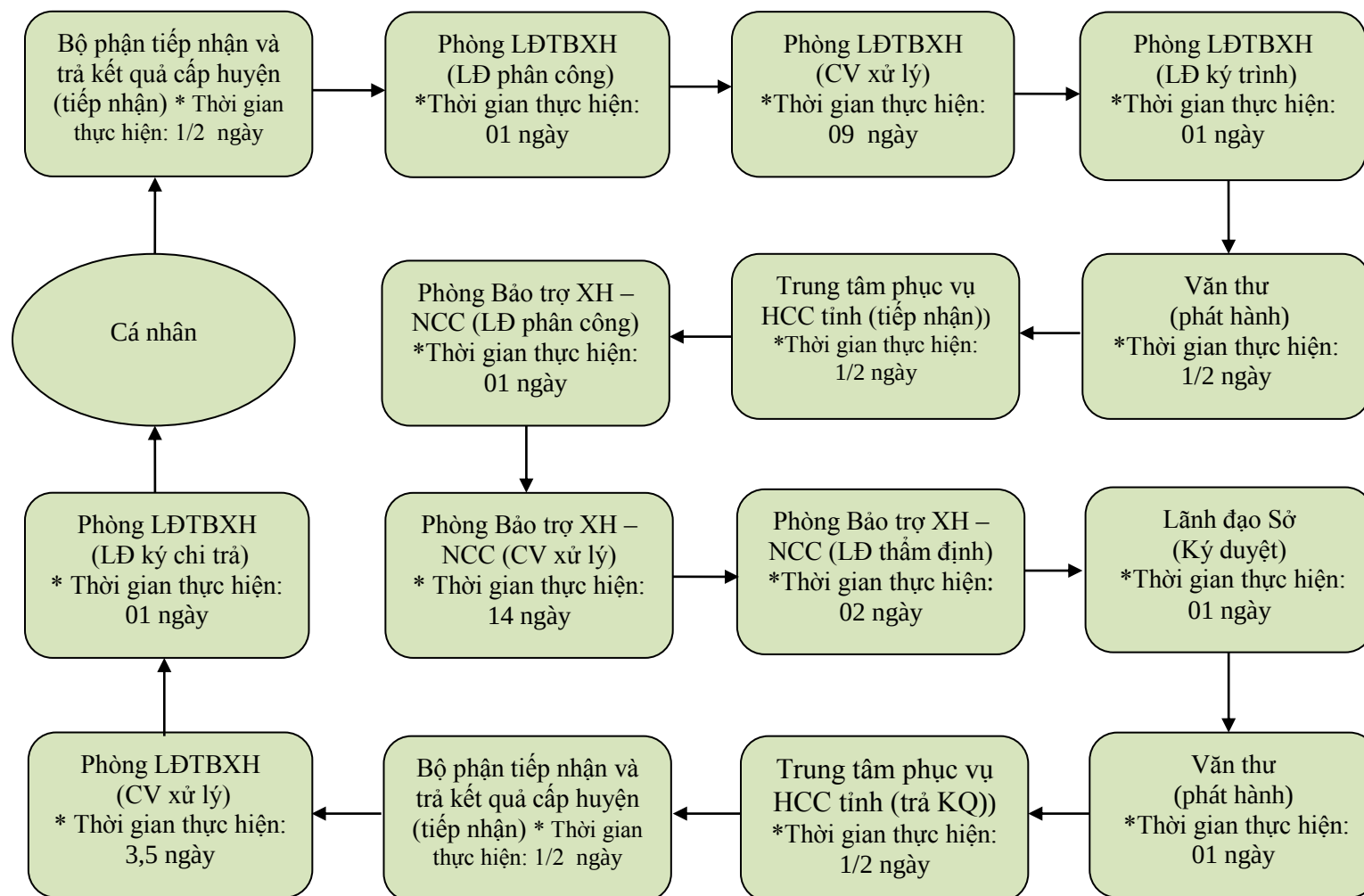




11

Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý.

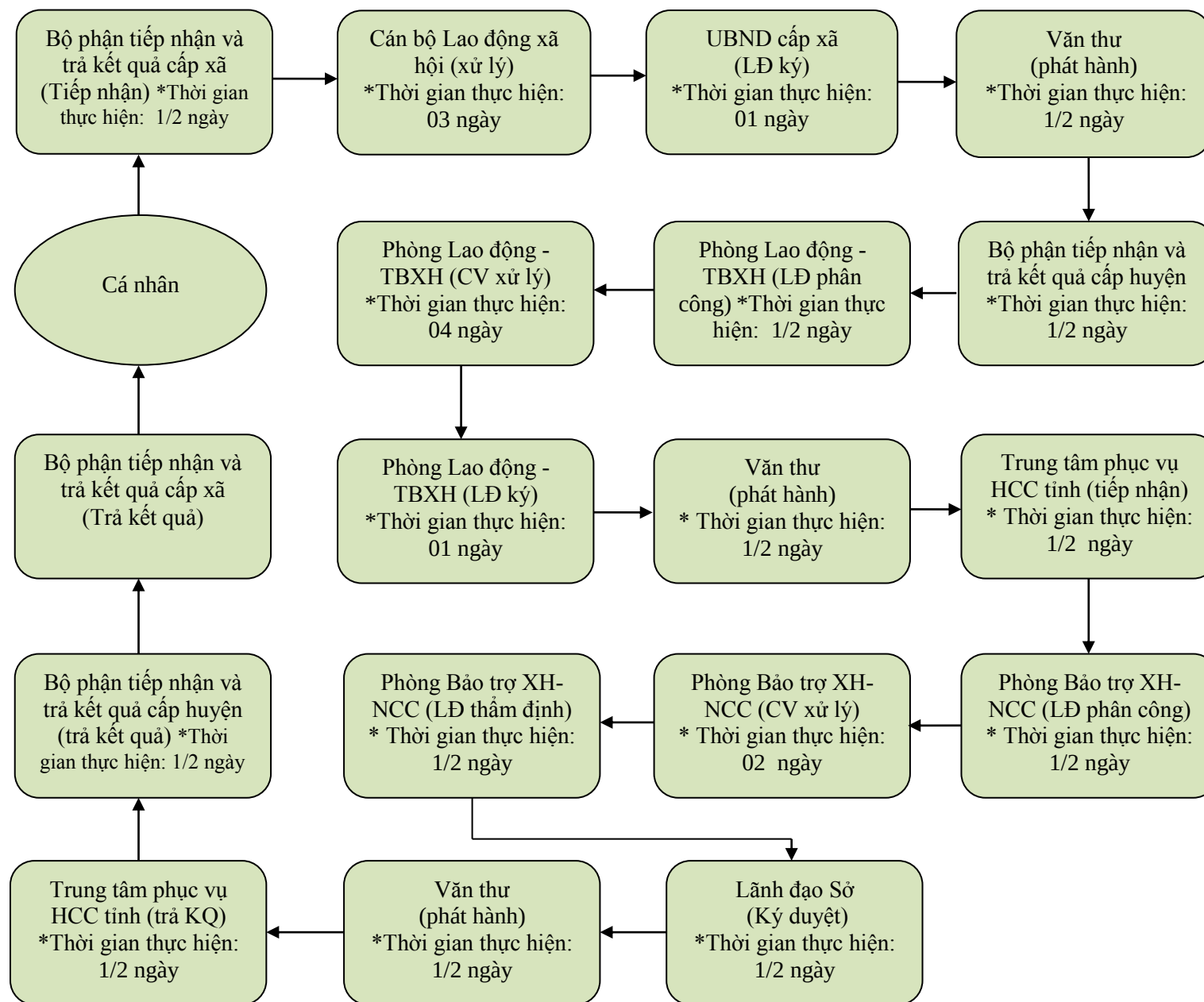
Thời gian giải quyết: 37 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ



12

Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý

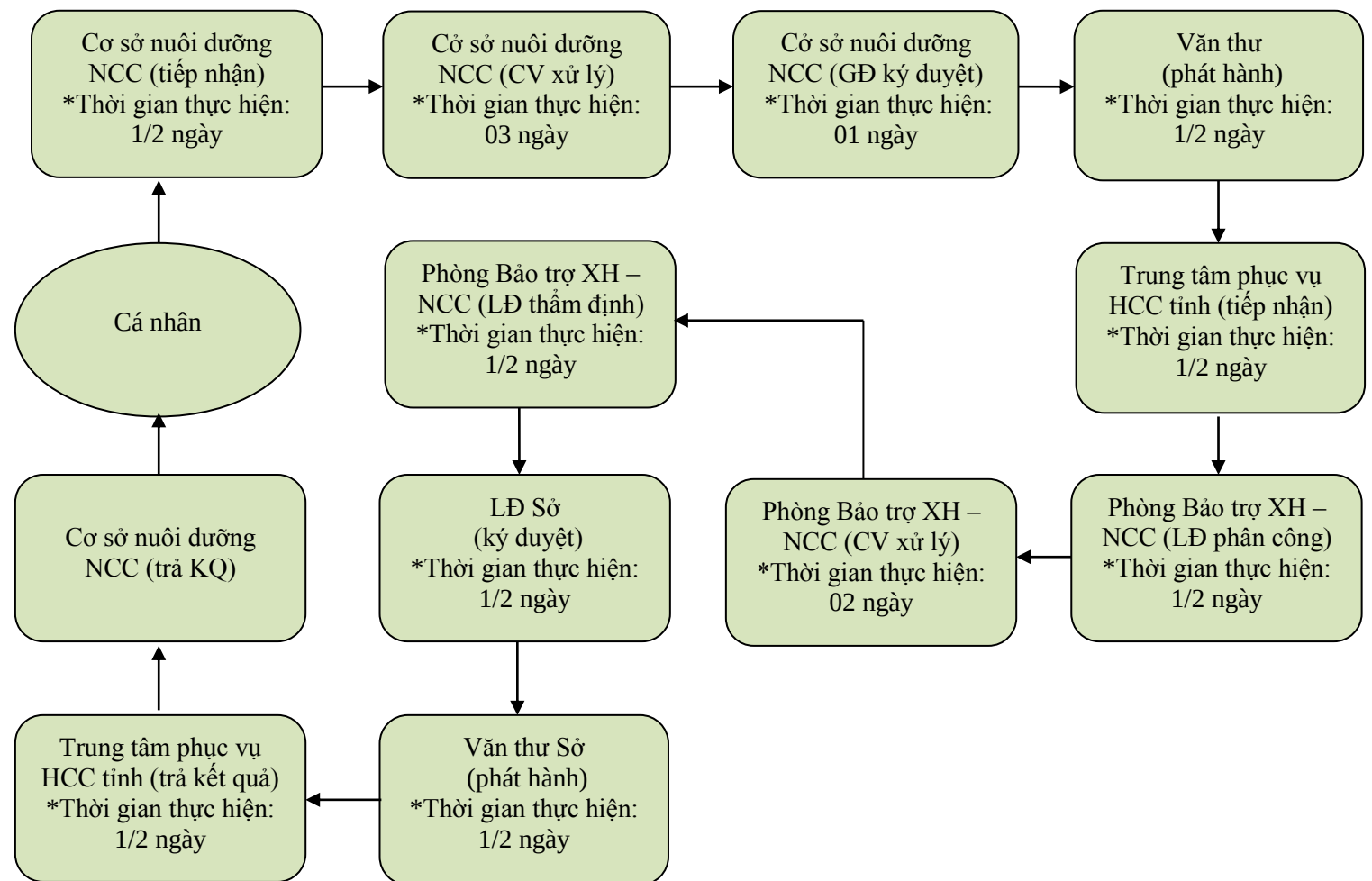
Thời gian giải quyết: 17 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ



13

Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình

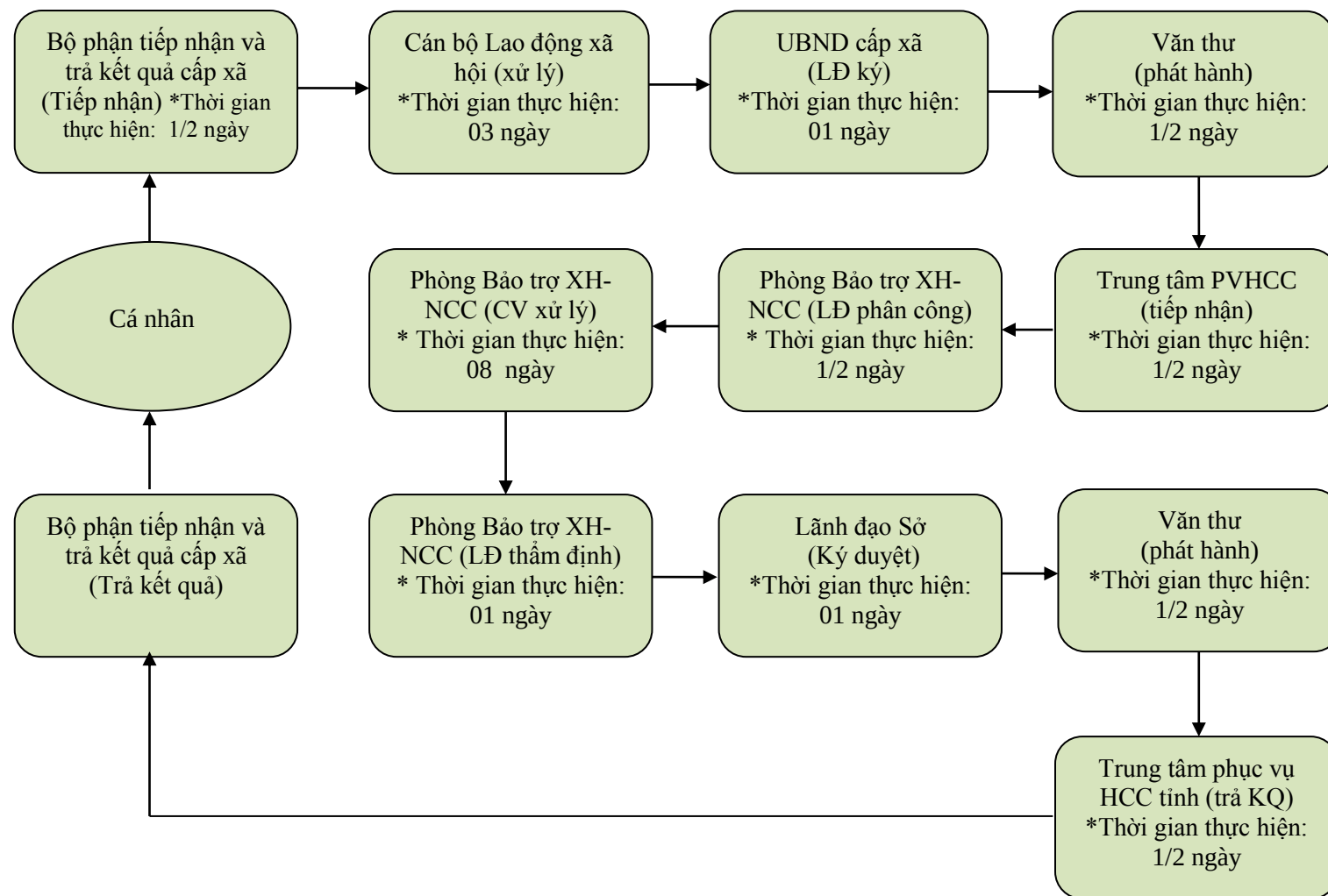
Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

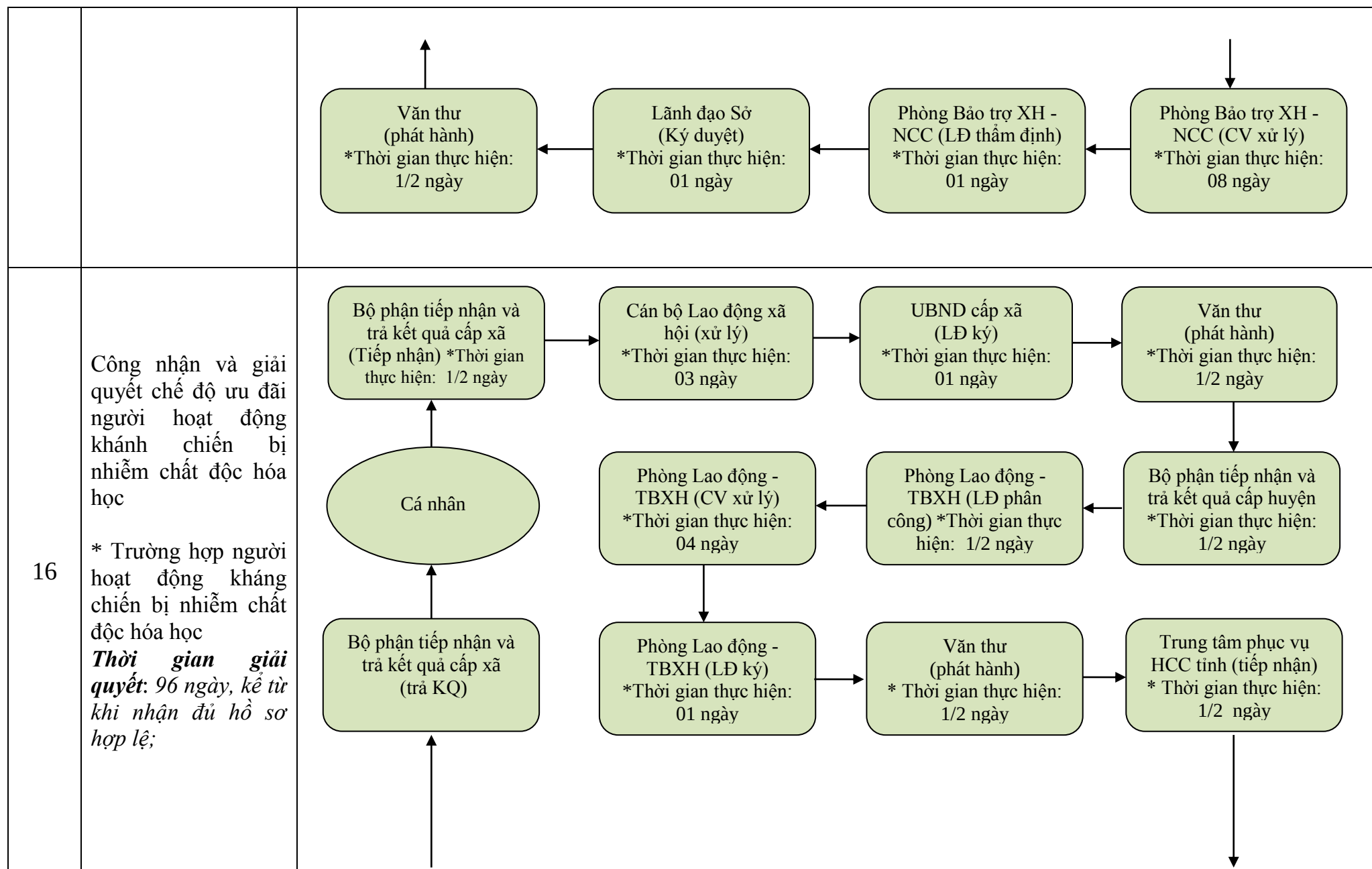


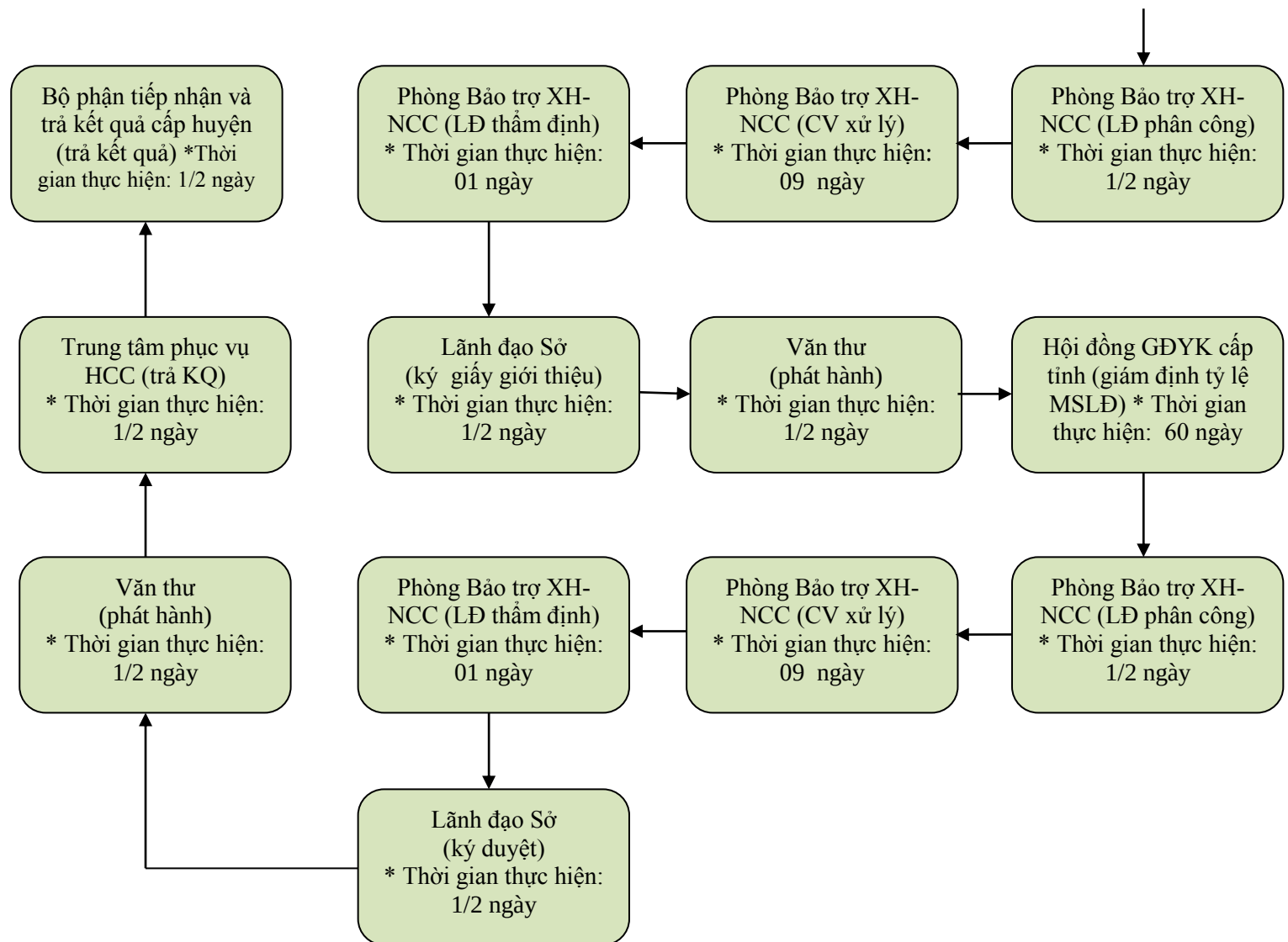
14

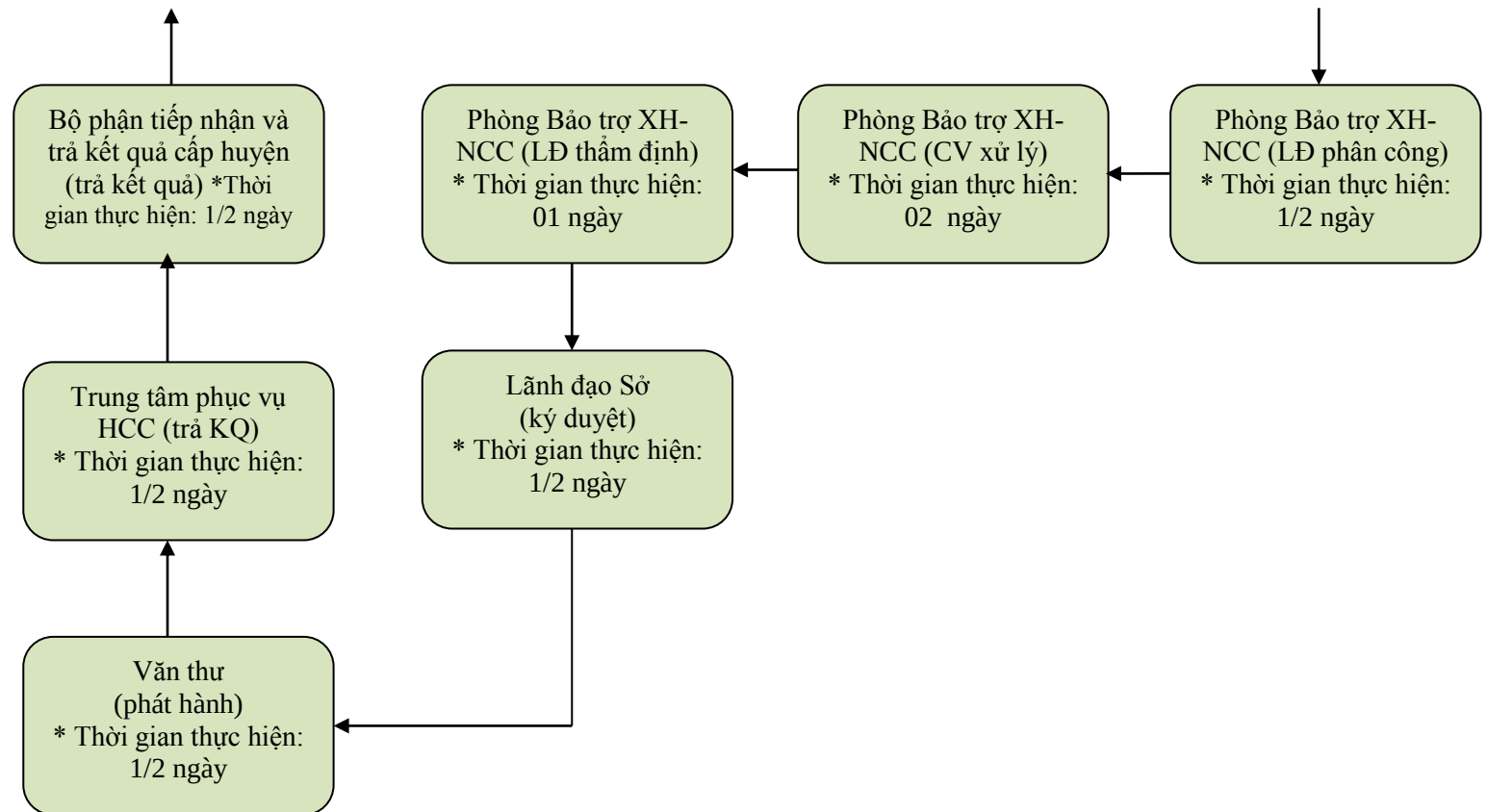
Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ

Thời gian giải quyết: 17 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ





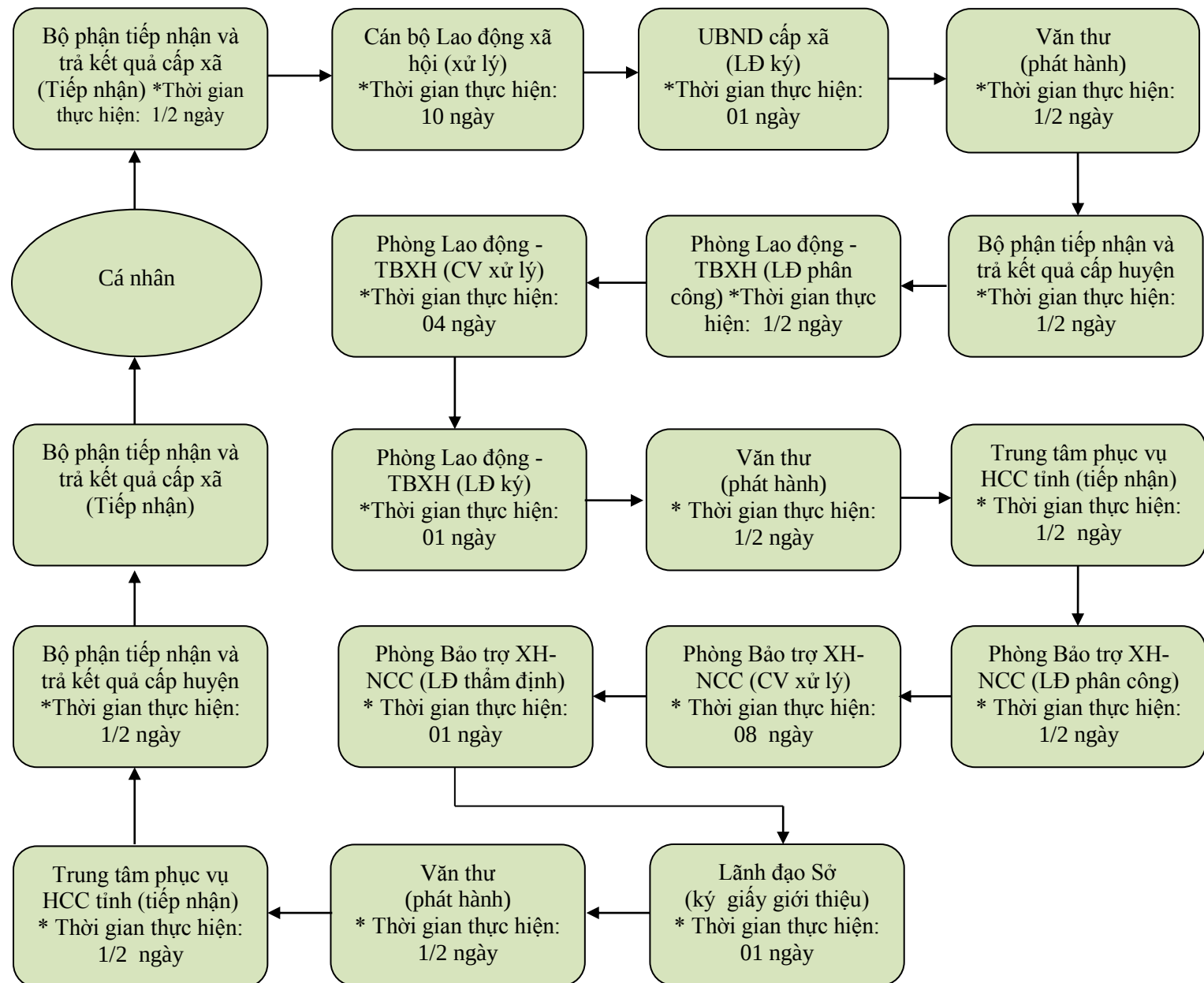


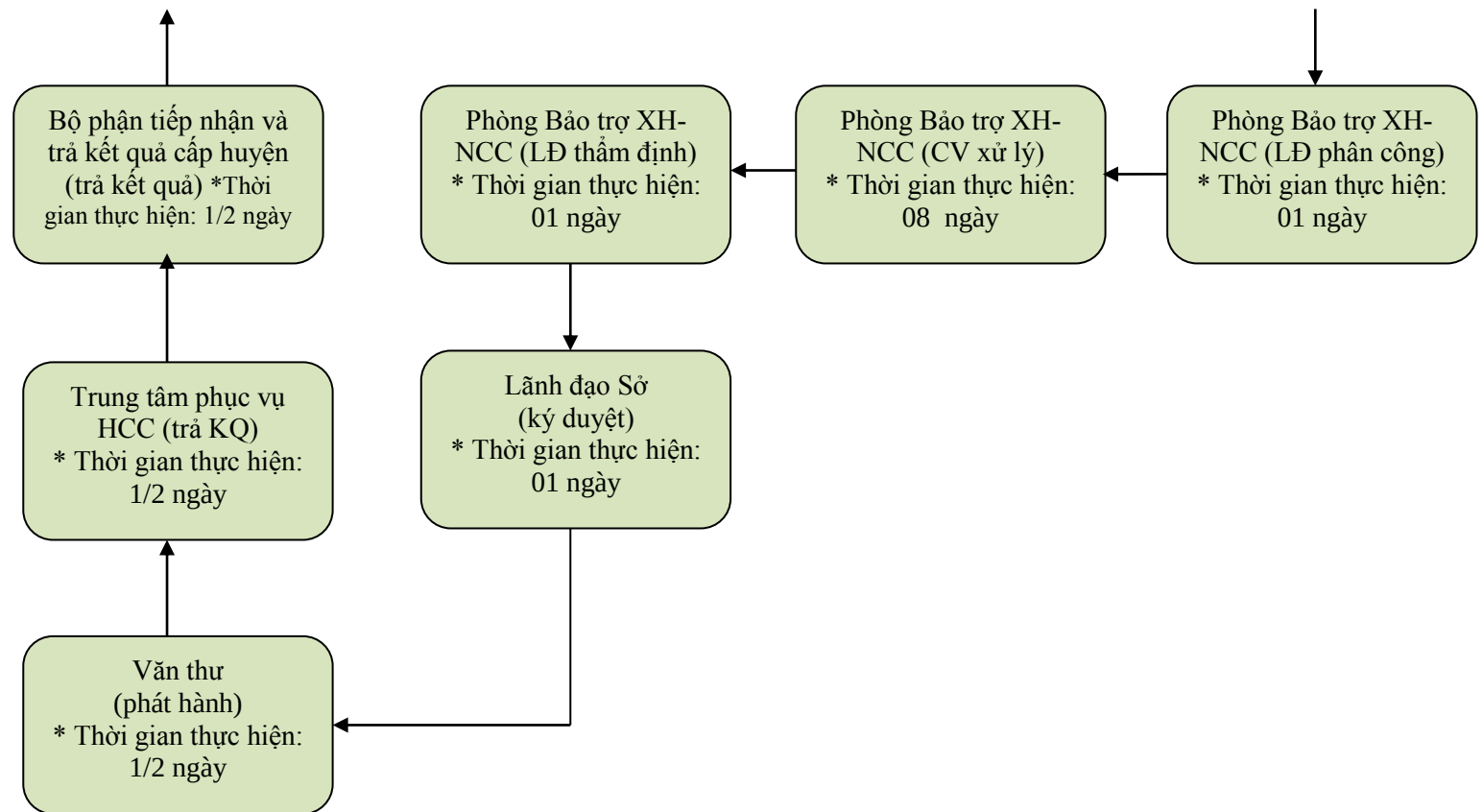


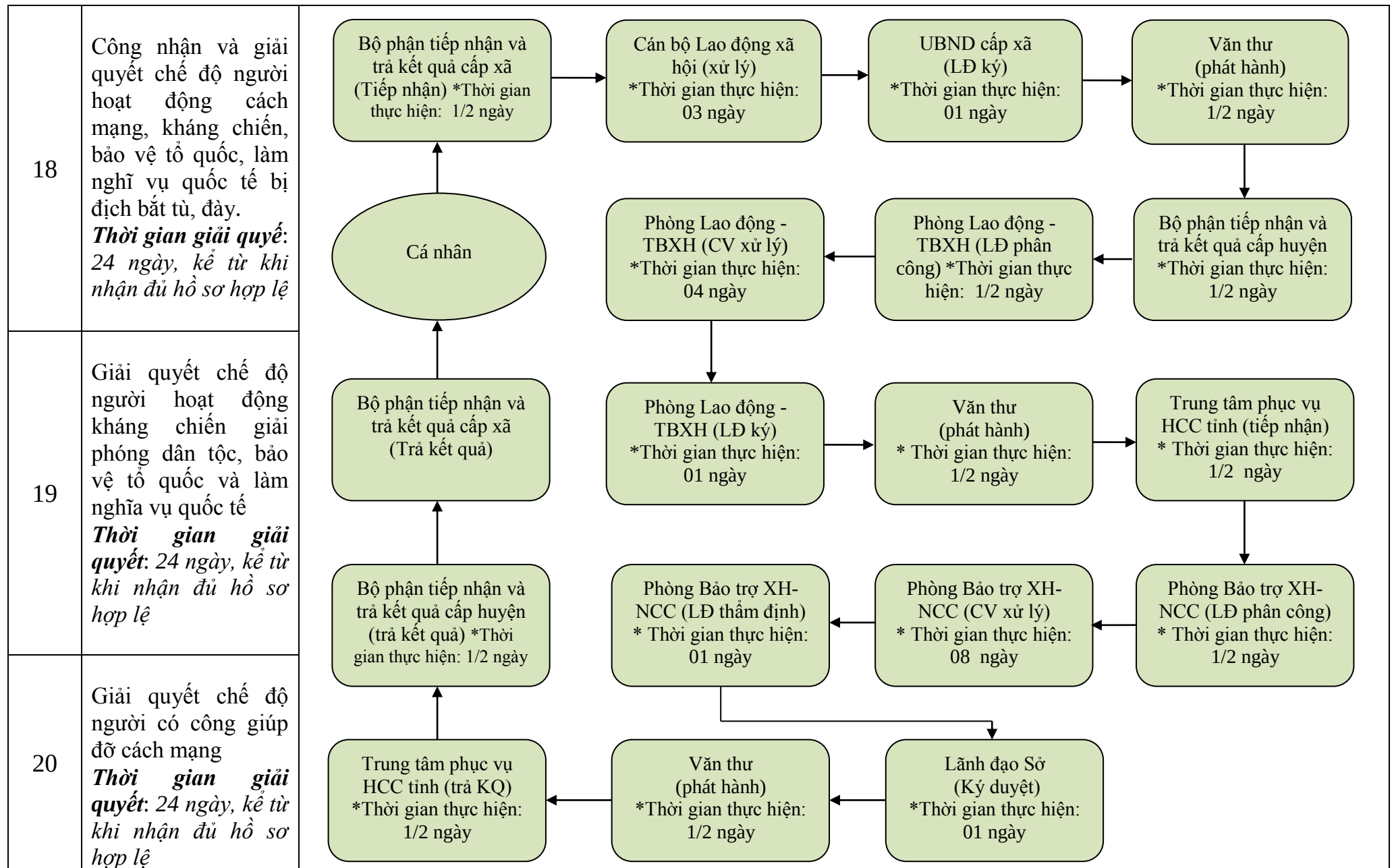
Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

* Trường hợp có vợ hoặc chồng nhưng không có con đẻ

Thời gian giải quyết: 31 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;





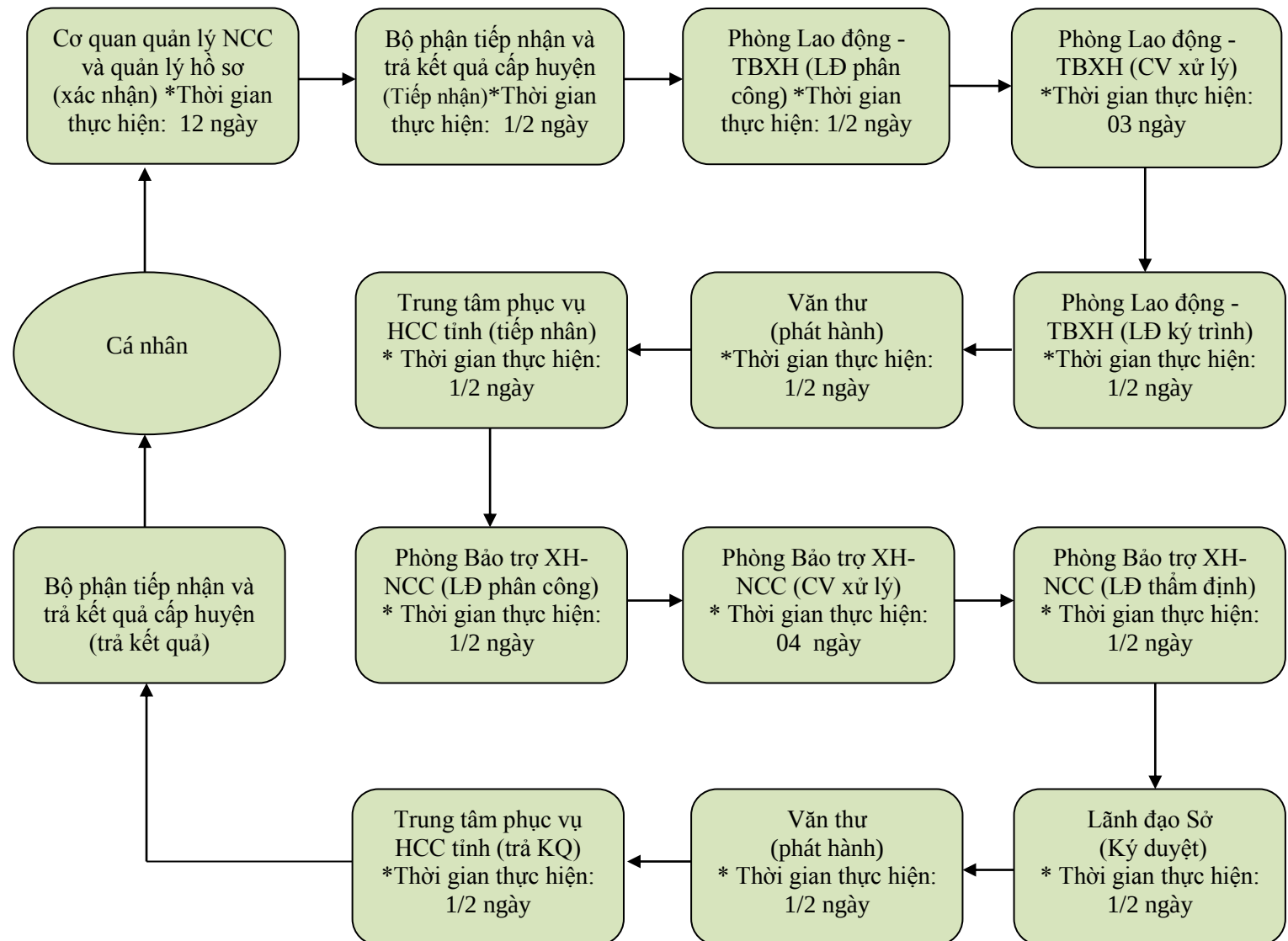


21

Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

*Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội hoặc công an quản lý

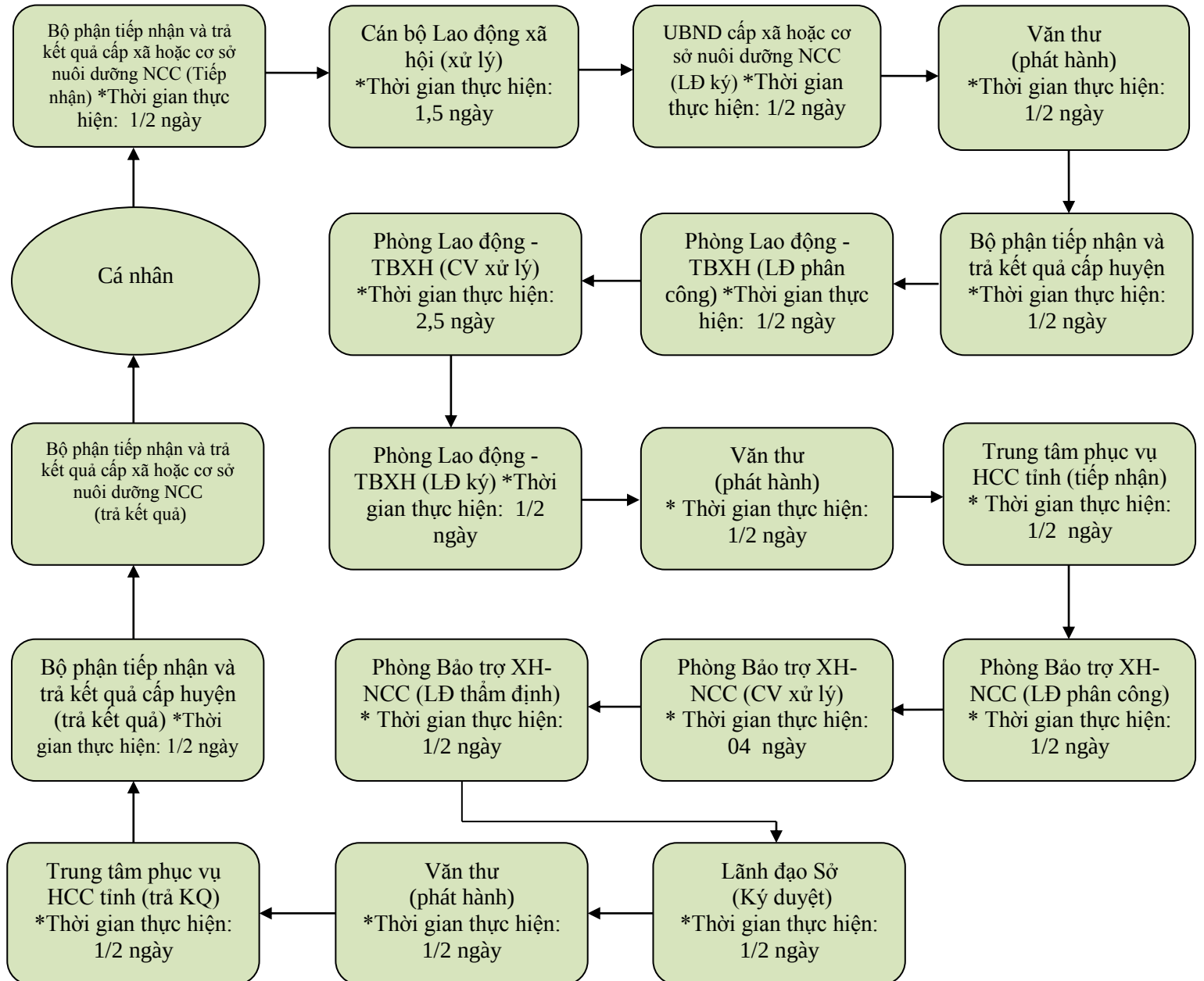
Thời gian giải quyết: 24 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

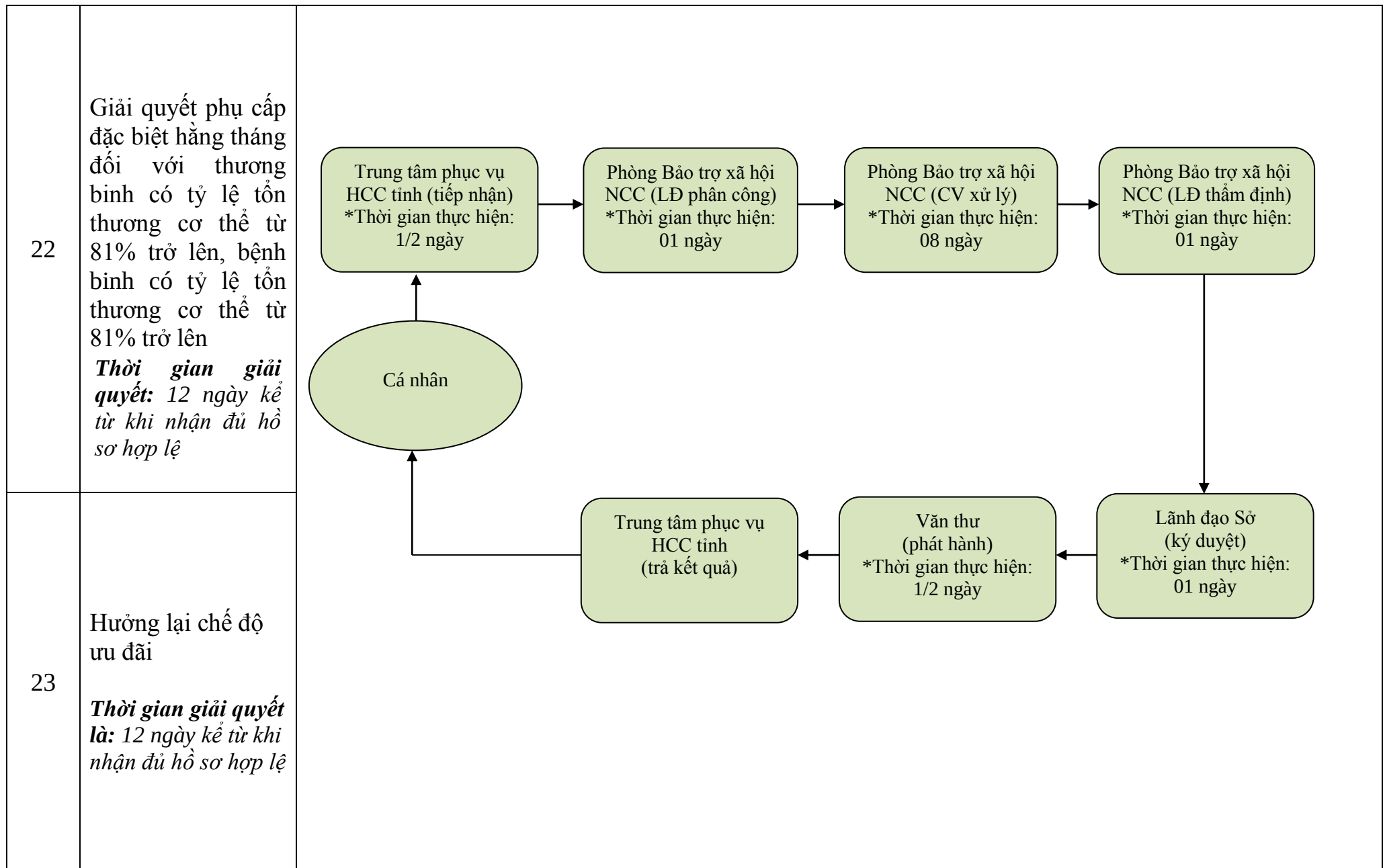


Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

*Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội hoặc công an quản lý

Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

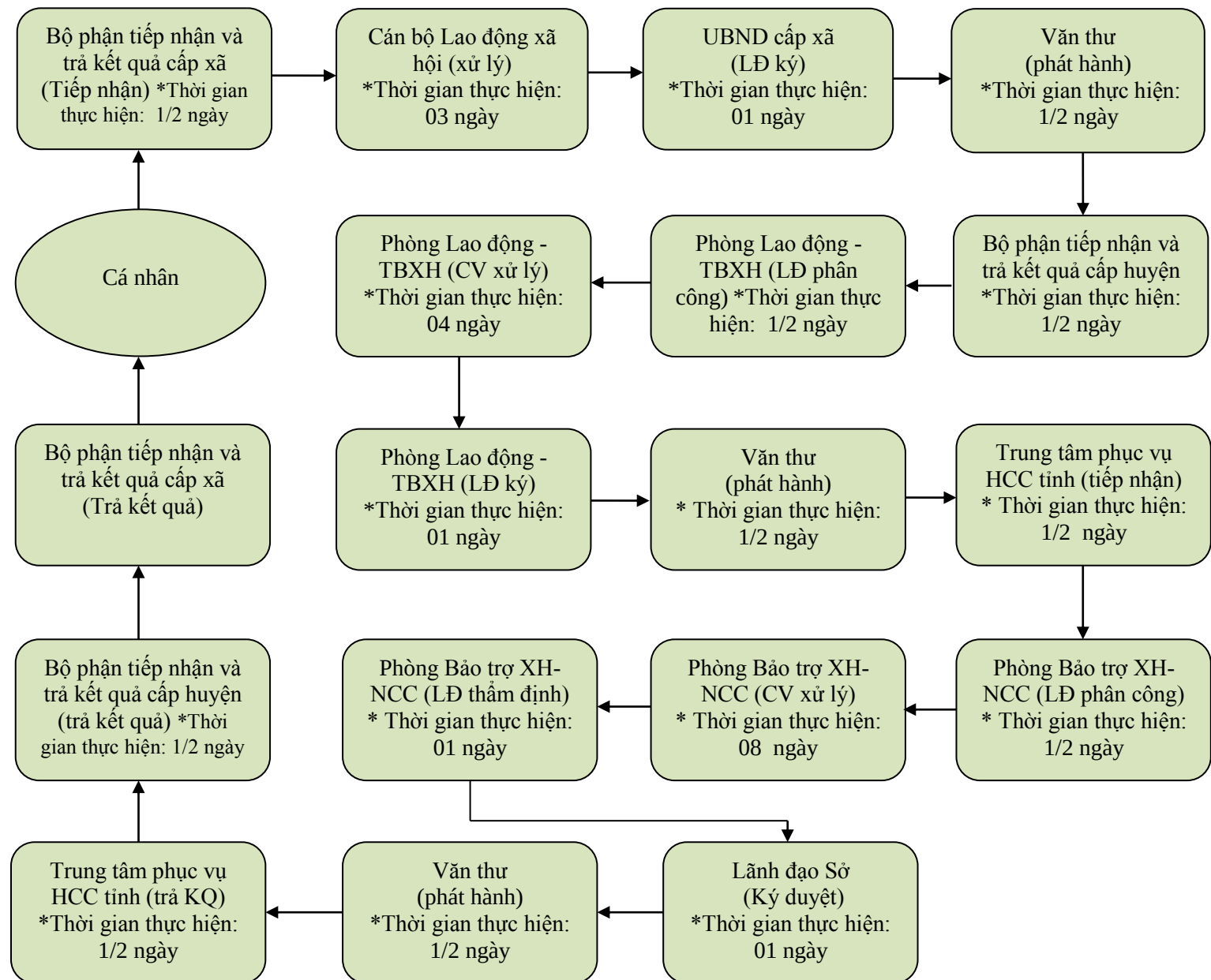




24

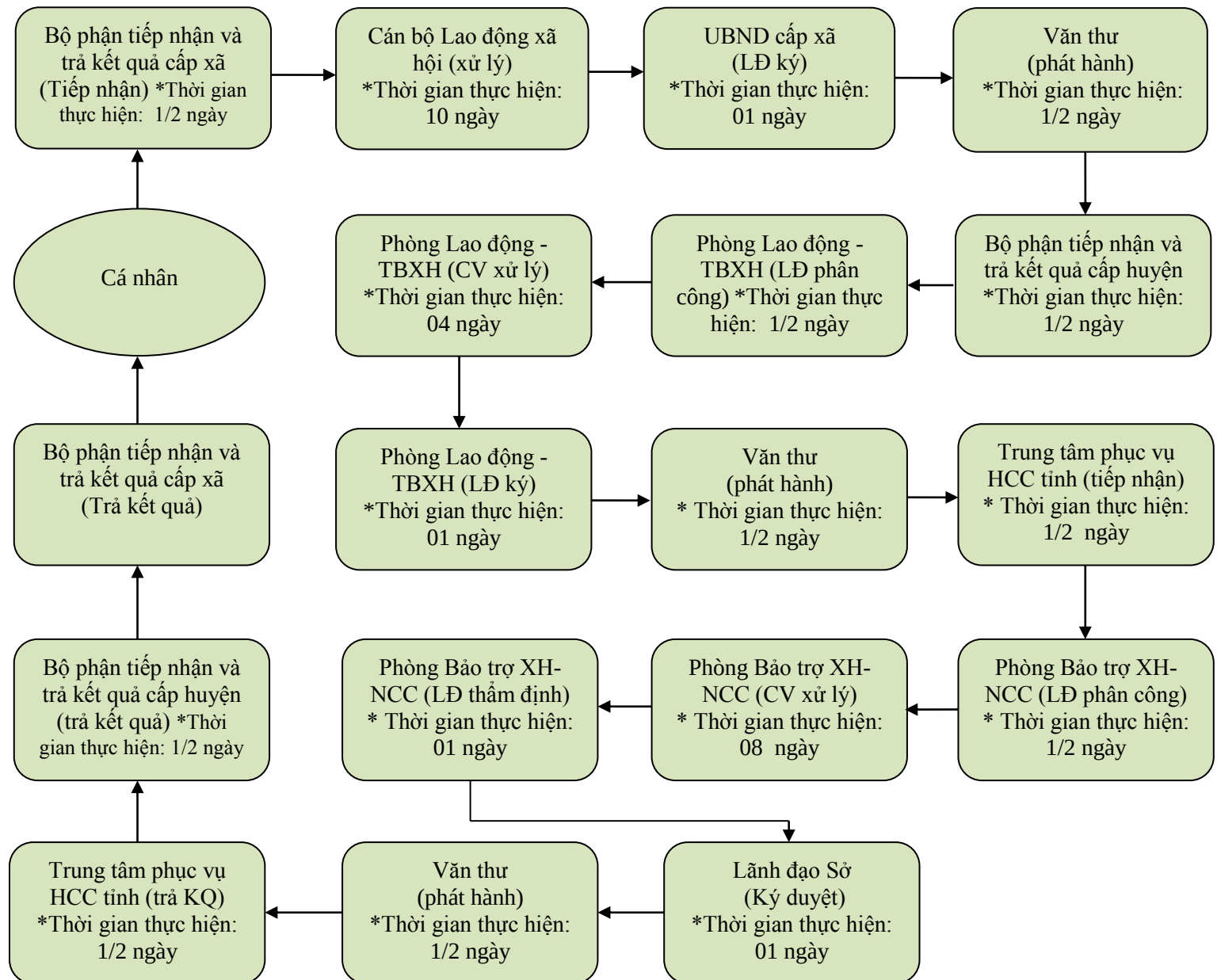
Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
* Trường hợp hưởng trợ cấp một lần và mai táng phí

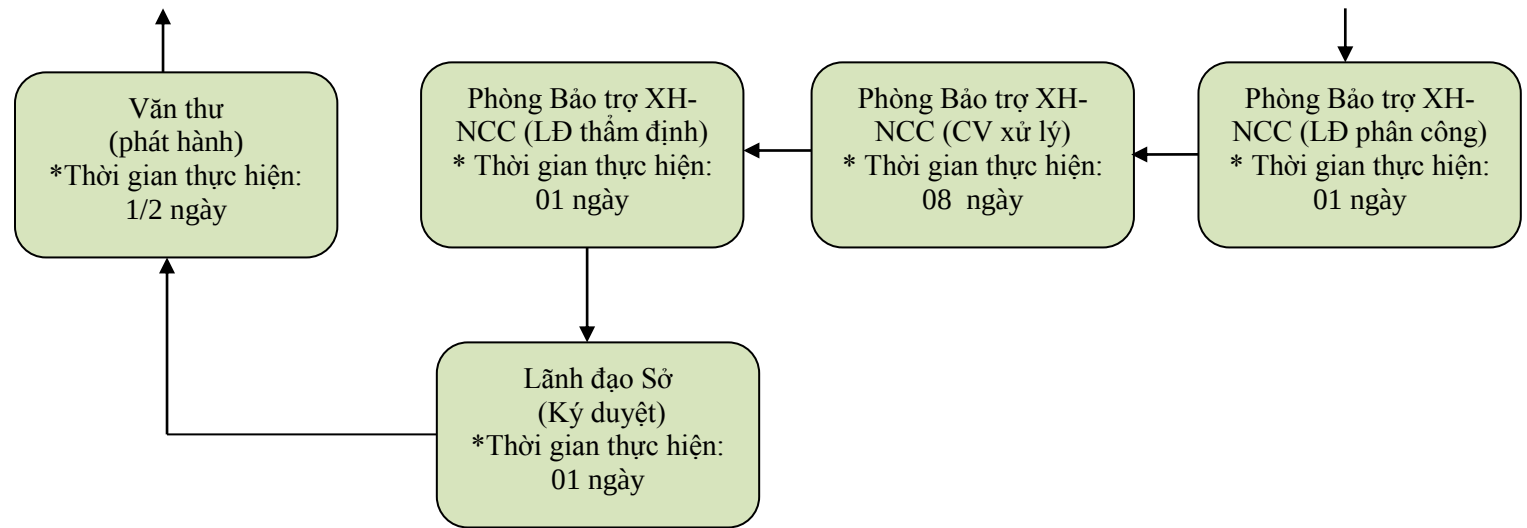
Thời gian giải quyết: 24 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
 * Trường hợp hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, tuất nuôi dưỡng hằng tháng

Thời gian giải quyết: 31 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

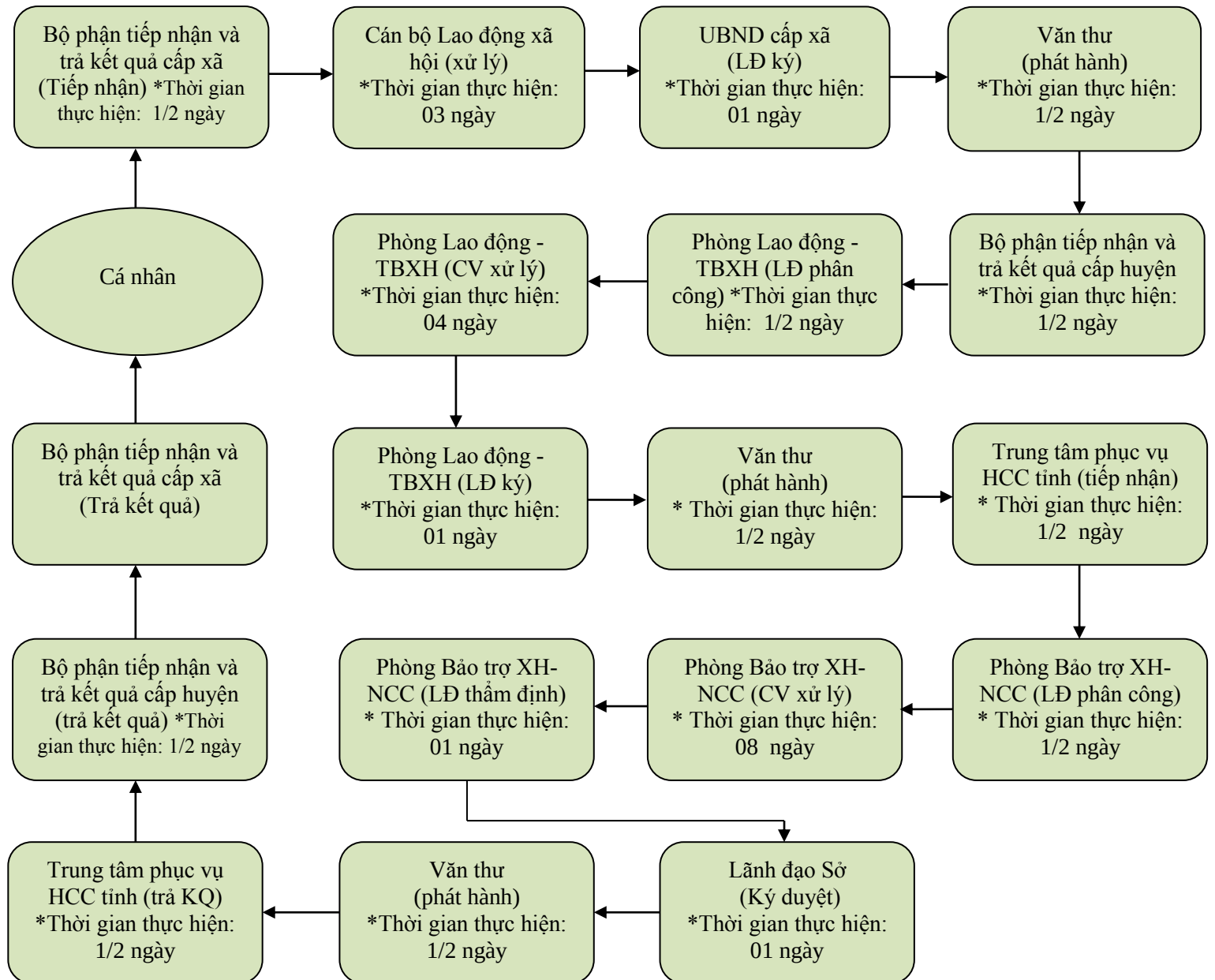




25

Bổ sung tình hình
thân nhân trong hồ
sơ liệt sĩ

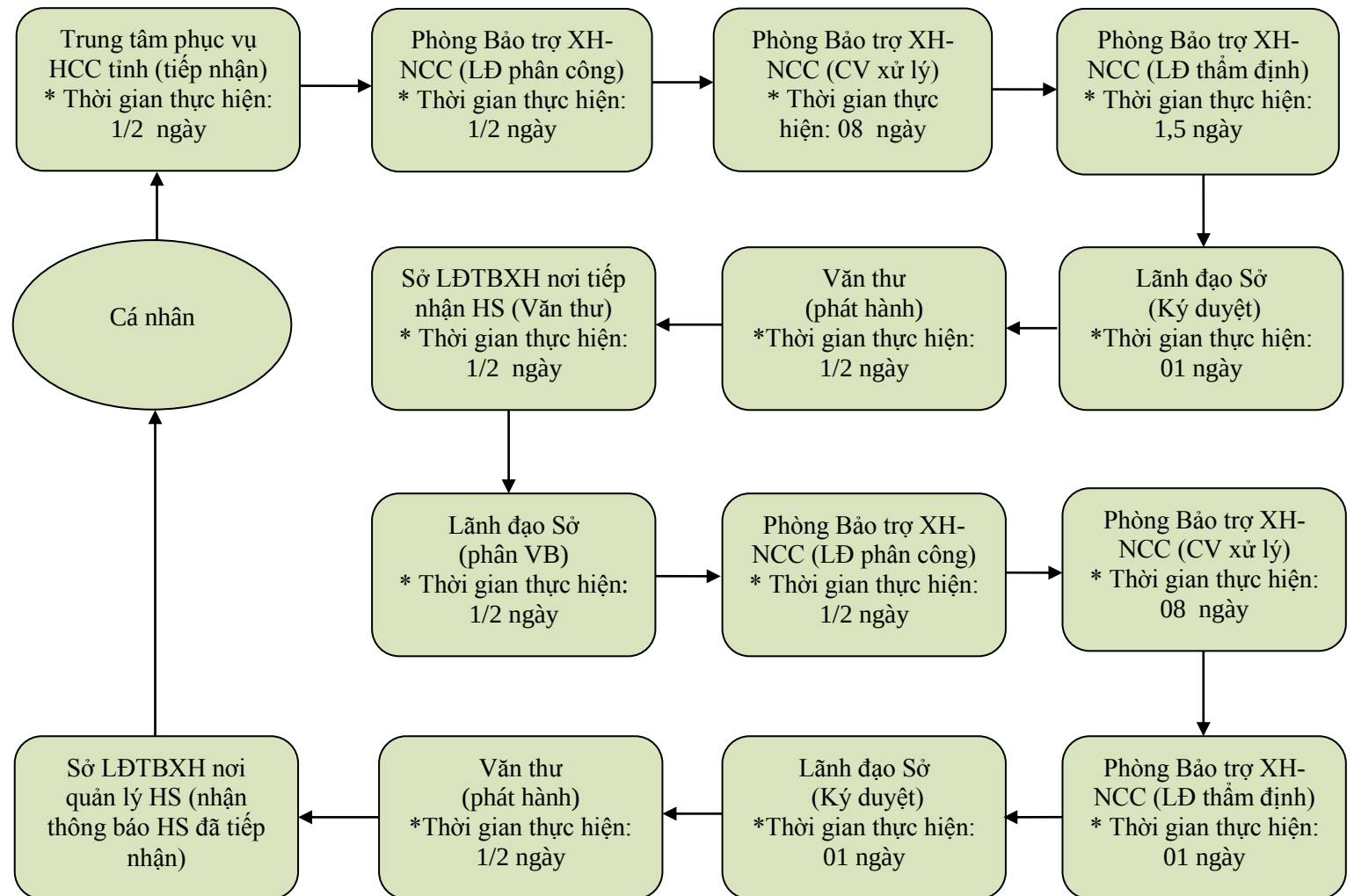
**Thời gian giải
quyết:** 24 ngày kể từ
khi nhận đủ hồ sơ
hợp lệ



27

Di chuyển hồ sơ
khi người hưởng
trợ cấp ưu đãi thay
đổi nơi cư trú

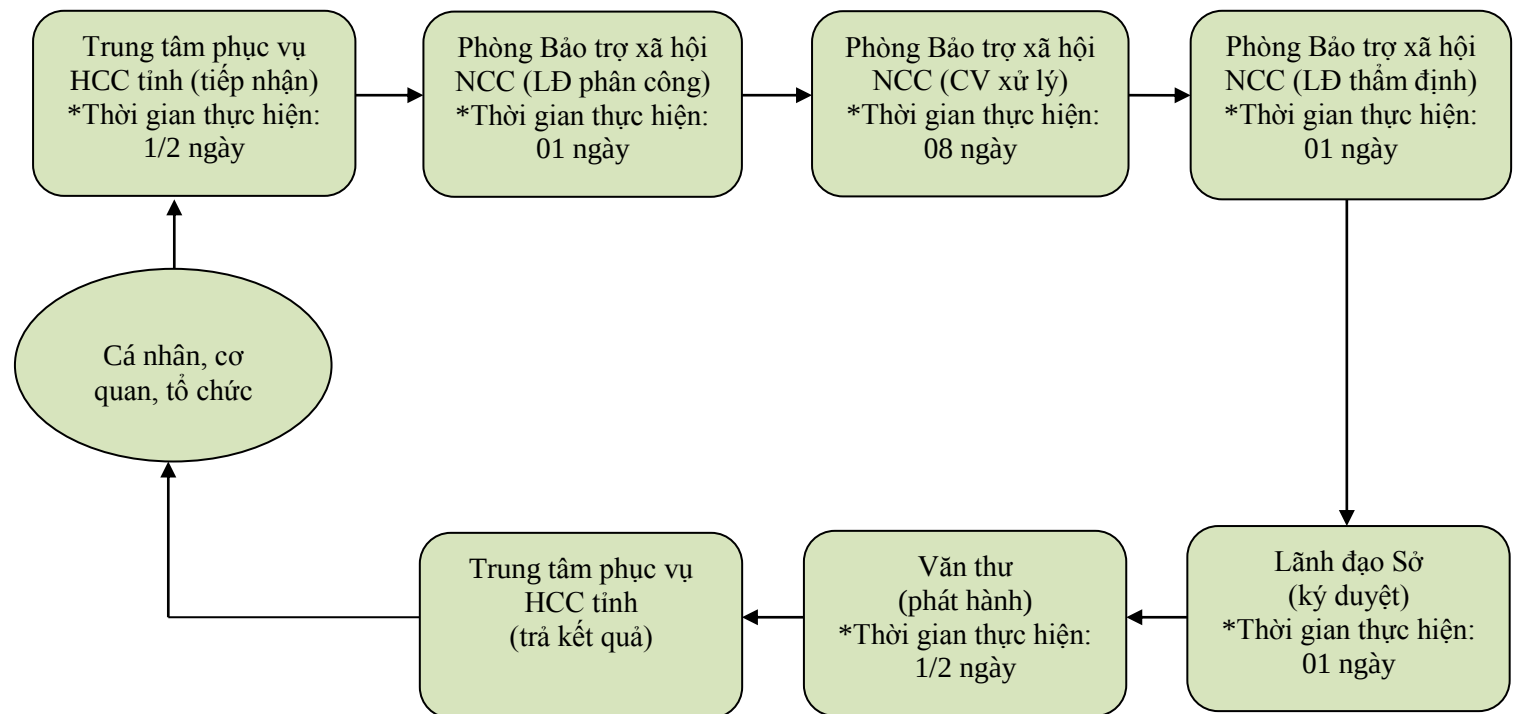
**Thời gian giải
quyết: 24 ngày kể từ
khi nhận đủ hồ sơ
hợp lệ**



28

Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng

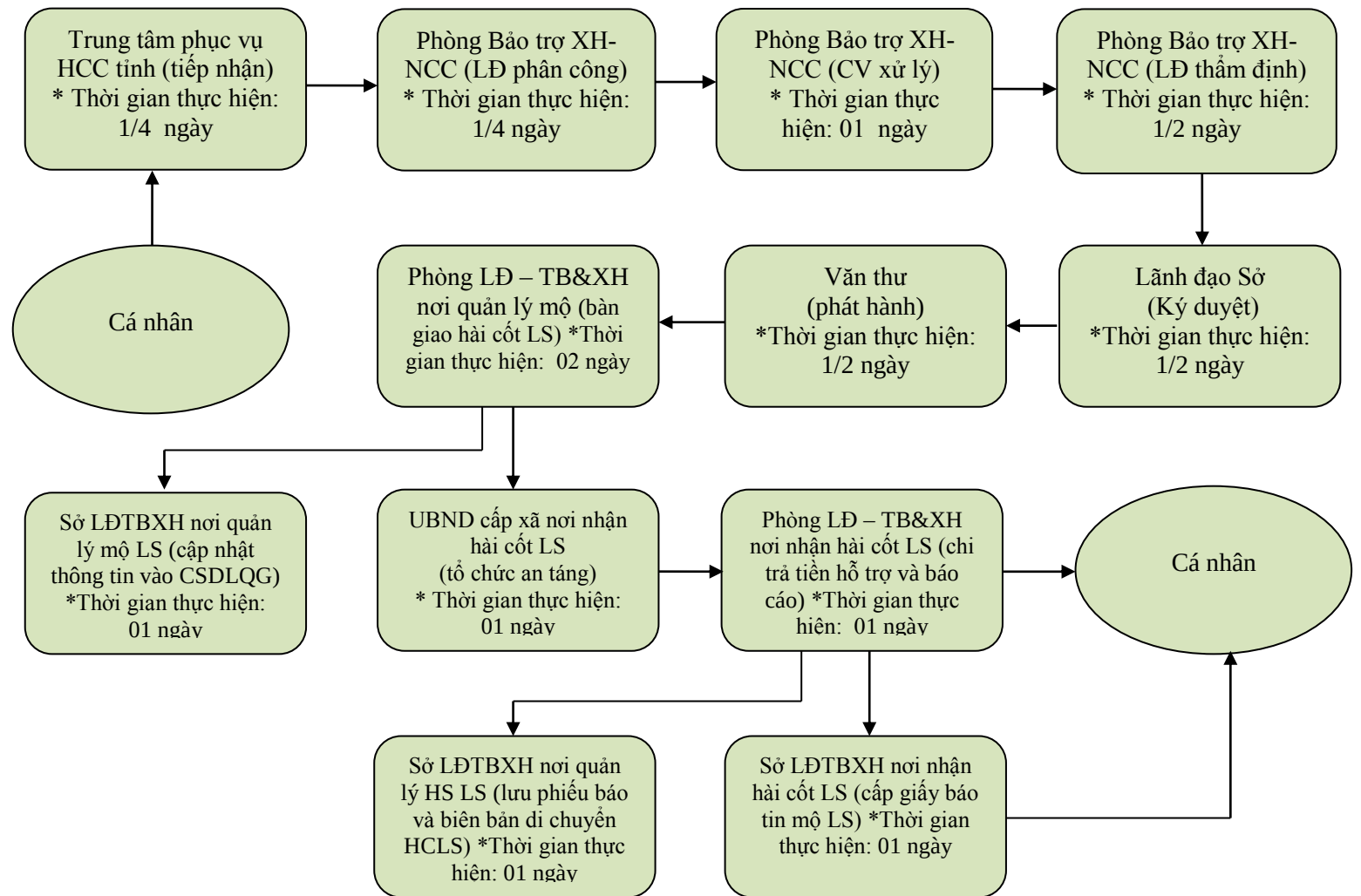
Thời gian giải quyết: 12 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



29

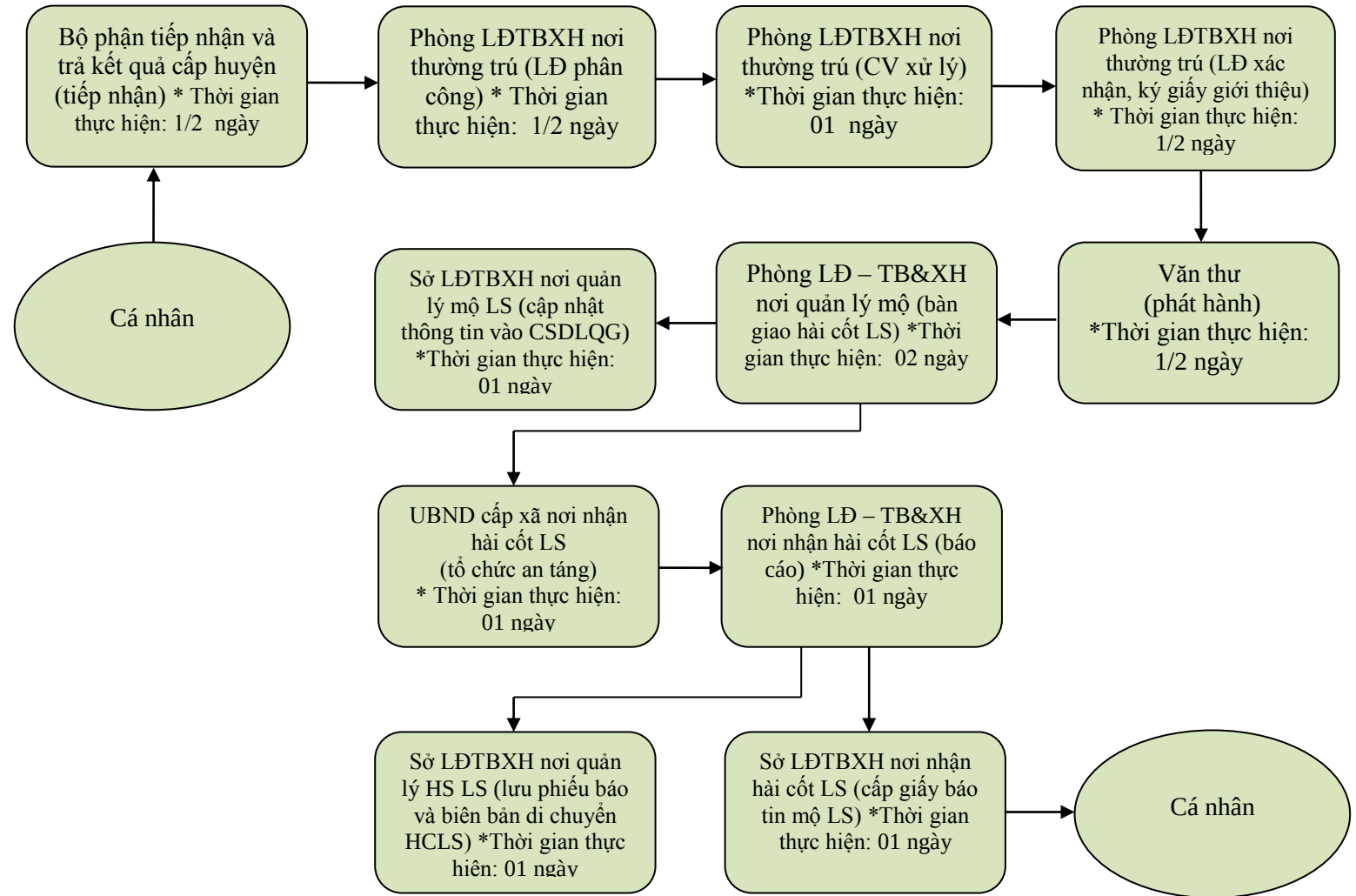
Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (*Trường hợp chưa được hỗ trợ*)

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



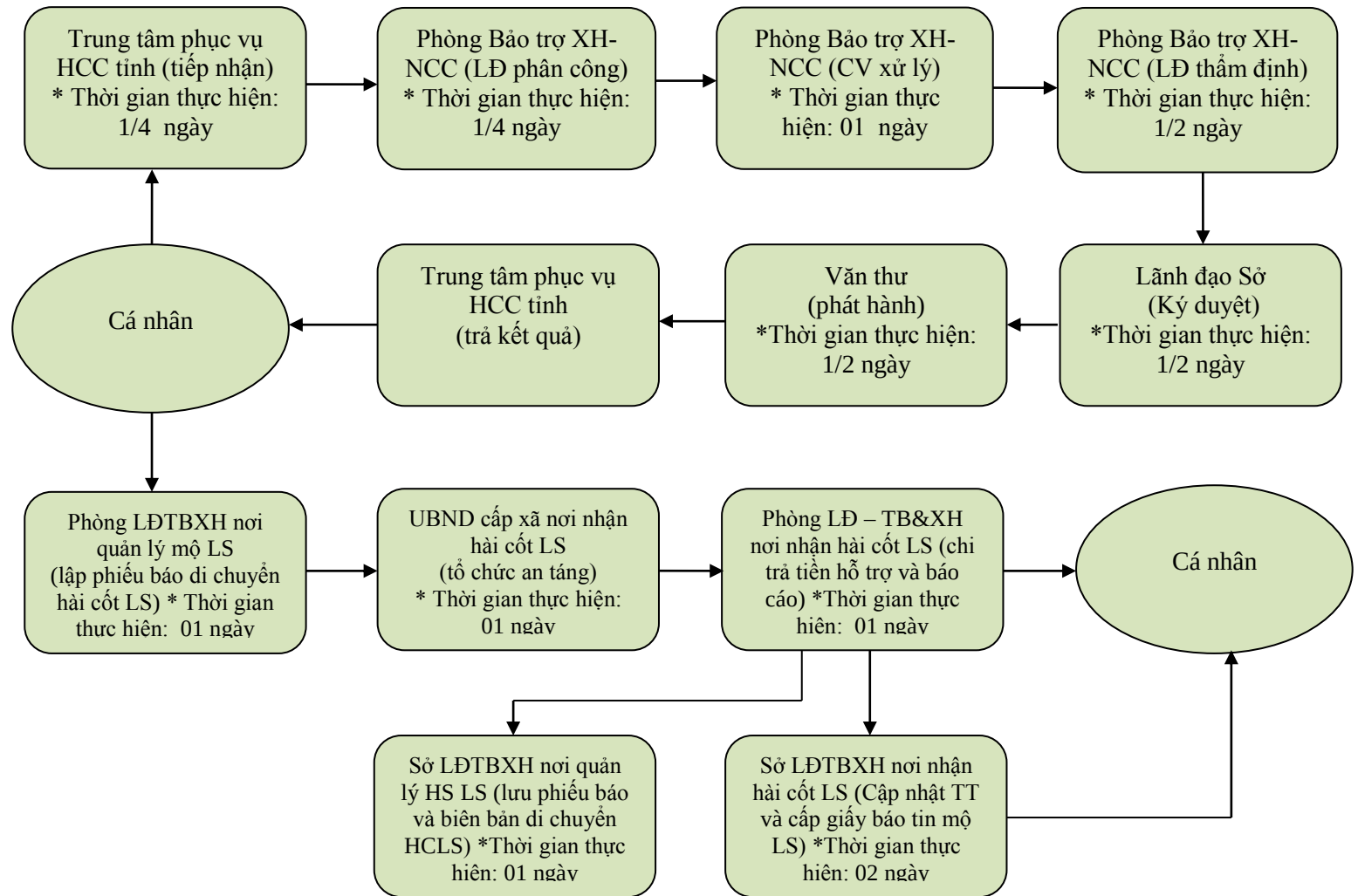
Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (*Trường hợp đã được hỗ trợ*)

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



30

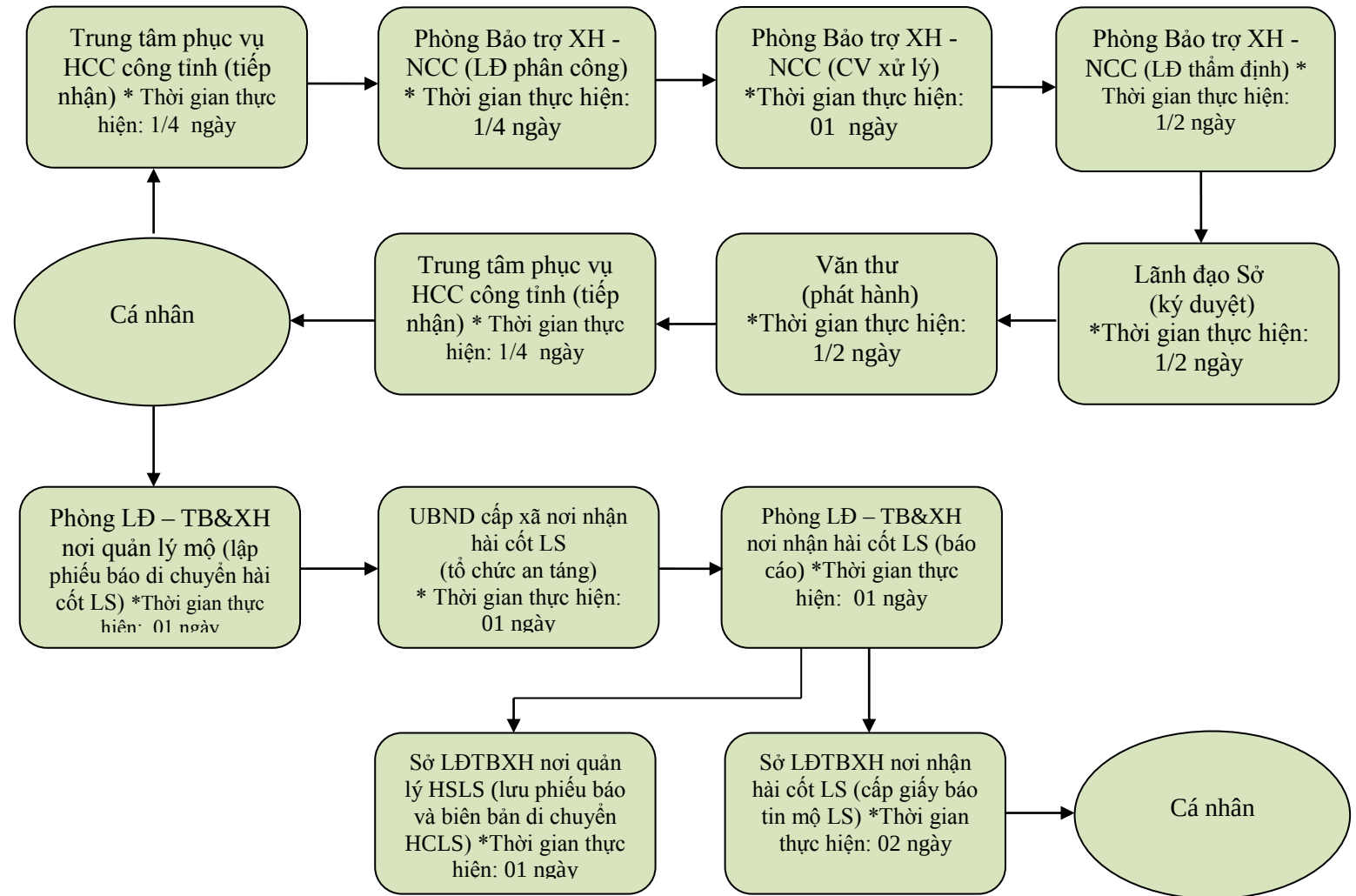
Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
 *Trường hợp chưa được hỗ trợ
Thời gian giải quyết:
 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

*Trường hợp đã được hỗ trợ

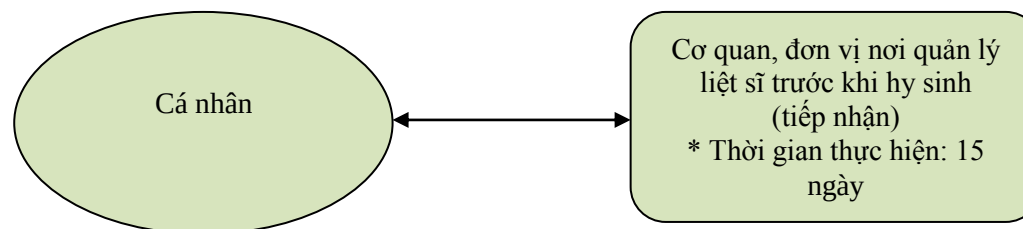
Thời gian giải quyết: 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ



31

Cấp giấy xác nhận
thông tin về nơi
liệt sĩ hy sinh

**Thời gian giải
quyết:** 15 ngày kể từ
khi nhận đủ hồ sơ
hợp lệ



Ghi chú:

*Trường hợp liệt sĩ ngoài lực lượng quân đội, cá nhân gửi đơn đến cơ quan quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh
Trường hợp liệt sĩ trong lực lượng quân đội, cá nhân gửi đơn đến Bộ Chỉ huy quân sự nơi nguyên quán của liệt sĩ
hoặc Bộ Chỉ huy quân sự nơi liệt sĩ hy sinh*

